



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
SAO VANG RUBBER JOINT-STOCK COMPANY



Thách thức mọi con đường



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
SAO VANG RUBBER JOINT-STOCK COMPANY

Địa chỉ: 221 Đường Nguyễn Trãi - Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội - Việt Nam
Address: 221 Nguyen Trai Street - Thuan Dinh Ward - Thanh Xuan District - Ha Noi City - Viet Nam
Tel: (+84).2438.583.686 - (+84).2438.556.196 - Fax: (+84).2438.583.644
Email: caosusaovang@src.com.vn
Web: www.src.com.vn



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về mọi mặt hoạt động

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

Mức cổ tức năm 2023

Kế hoạch của Hội đồng quản trị năm 2023

01

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro trong quá trình hoạt động

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Đánh giá việc thực hiện các quy định quản trị công ty

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Các công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

06

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững

Các chỉ tiêu phát triển bền vững

03

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Tình hình tài chính

Đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm 2022

Kế hoạch phát triển

Đánh giá của Ban điều hành liên quan đến trách nhiệm về môi trường, xã hội năm 2022

07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2022

Thông điệp của CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng,

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty, tôi xin gửi tới Quý vị lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Năm 2022 là năm mà bối cảnh kinh tế thế giới phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường. Lạm phát tại nhiều quốc gia đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ, buộc các chính phủ phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Bên cạnh đó, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Thị trường chứng khoán đã có pha sụt giảm mạnh trong năm 2022 sau giai đoạn tăng nóng trước đó là hệ quả của các thách thức về triển vọng kinh tế thế giới và nội lực kinh tế trong nước, về những rủi ro và bất cập trong quản lý thị trường, về sự phát triển ổn định, bền vững và minh bạch của thị trường.

Trong bối cảnh đó, năm 2022, kinh tế Việt Nam mặc dù không tránh khỏi những tác động bất lợi nhưng đã cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ, về cơ bản đã vượt qua những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 và đang lấy lại đà tăng trưởng vốn có. Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, hoàn thành mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2022 và giai đoạn 2021-2025, Chính phủ đã chỉ đạo bộ, ngành, địa phương triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, hàng loạt chính sách hỗ trợ, củng cố năng lực phục hồi cho doanh nghiệp, trong đó có các chính sách miễn giảm thuế, phí... đã được ban hành. Kinh tế - xã hội năm 2022 của nước ta khởi sắc trên hầu hết các lĩnh vực, một số ngành đã có mức tăng trưởng cao hơn năm trước khi có dịch Covid-19.

Tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2022 ước tính trên 8%, đạt mức cao nhất trong khu vực và trên thế giới, đây cũng là mức tăng cao nhất các năm trong giai đoạn 2011-2022. Việt Nam cũng thuộc nhóm các nước có mức lạm phát thấp so với mặt bằng chung. Nikkei Asia đánh giá Việt Nam dẫn đầu khu vực Đông Nam Á và đứng thứ 8 thế giới về đà phục hồi sau đại dịch COVID-19. Việt Nam được kỳ vọng trở thành thị trường tiêu dùng toàn cầu lớn thứ 10 thế giới vào năm 2030, vượt qua cả Đức và Anh...

Trong năm 2022, với việc diễn biến của dịch COVID-19 đã được kiểm soát, tình hình giao thương giữa các nước cũng như giữa các địa phương đã trở lại gần như bình thường, cùng với đó là nhu cầu của thị trường do áp lực từ phục hồi kinh tế và chi tiêu cho đầu tư công, doanh nghiệp đã thành công giữ vững kết quả kinh doanh ổn định. Ở phía đầu vào, giá cao su thiên nhiên cùng một số hóa chất hạ nhiệt và giảm về dưới mức trung bình vào quý 3/2021 tạo đòn bẩy cho lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong 4 tháng cuối năm tình hình tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn do khởi đầu của suy thoái kinh tế, ngành hàng ô tô chịu tác động rất lớn của chủ trương siết tải của nhà nước cộng thêm siết chặt tín dụng để kiềm chế lạm phát dẫn đến doanh số ô tô giảm trầm trọng, ảnh hưởng đến đầu ra của SRC. Mặc dù vậy, trong năm 2022 Ban lãnh đạo đã nỗ lực tối để mang đến kết quả kinh doanh khá khả quan cho doanh nghiệp

Bước sang năm 2023, kinh tế - xã hội nước ta phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn nên chịu tác động đan xen nhiều mặt. Trong khi đó, kinh tế thế giới đang gia tăng khả năng suy thoái, bất ổn; biến động nhanh và khó lường về kinh tế, chính trị, quân sự; dịch bệnh thiên tai khó dự báo trước. Theo World Bank, tăng trưởng của Việt Nam năm 2023 dự báo là 6,7%; thấp hơn hẳn mức 8,02% của năm 2022 do cả hai động lực tăng trưởng là xuất khẩu và nhu cầu trong nước đều đang chững lại. Xuất khẩu của Việt Nam bị ảnh hưởng do nhu cầu bên ngoài yếu đi. Tiêu dùng hậu Covid dường như cũng phục hồi chậm lại. Bên cạnh đó, điều kiện huy động tài chính bị thắt chặt hơn và lạm phát gia tăng có thể ảnh hưởng đến nhu cầu trong nước trong thời gian tới. Do vậy, Ban Lãnh đạo công ty sẽ luôn giữ vị thế chủ động, bám sát tình hình kinh tế thị trường để đưa ra các quyết định kinh doanh chính xác, sẵn sàng đối đầu với các khó khăn sắp tới. Ban lãnh đạo sẽ phấn đấu để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý cổ đông dành cho chúng tôi.

Trân trọng cảm ơn!

**Chủ tịch Hội đồng quản trị
Phạm Hoàng Sơn**

CHƯƠNG

01

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro trong quá trình hoạt động

CÔNG TY CP CAO SU SAO VÀNG

SAOVANG RUBBER JS COMPANY



SRC®

Thách thức mọi con đường

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Tên tiếng anh Sao Vang Rubber Joint Stock Company

Trụ sở chính Số 231, Đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại 0243 858 3656

Fax 0243 858 3644

Email caosusaovang@src.com.vn

Website <http://src.com.vn/>

Vốn điều lệ 280.657.650.000 đồng

Vốn chủ sở hữu 439.332.707.414 đồng

Đăng ký kinh doanh 0100100625 cấp lần đầu 03/04/2006 Thay đổi lần thứ 11 ngày 11/05/2022 tại Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội

Mã chứng khoán SRC

SỨ MỆNH

Sản xuất các sản phẩm với chất lượng tốt nhất - an toàn

Tiên phong trong việc đóng góp vào sự phát triển của ngành sản xuất sẫm lớp Việt Nam

Luôn tôn trọng lợi ích chính đáng của người tiêu dùng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Đoàn kết

Tôn trọng khách hàng và giá trị xã hội

Sáng tạo, thích nghi.

TẦM NHÌN

Khẳng định vị trí là nhà sản xuất sẫm lớp hàng đầu Việt Nam. Không ngừng phát triển để trở thành thương hiệu nổi tiếng thế giới.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH NĂM 2018-2022

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH					
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	925,2	926,3	1.349,3	955,7	915,3
Giá vốn hàng bán (tỷ đồng)	780,8	764,6	1.132,4	780	753,0
Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	144,4	161,6	216,8	175,7	162,3
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	15,3	51,7	96,5	52,4	38,2
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	12,2	41,4	73,5	40,0	27,7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tổng tài sản (tỷ đồng)	846,6	806,8	1.045,3	1.235,4	1.245
Nợ phải trả (tỷ đồng)	505,7	425,5	977,1	802,8	805,7
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	340,8	381,3	428,2	432,6	439,3

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	1,43	5	6,65	3,03	2,24
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	3,57	11,46	18,16	9,30	6,36

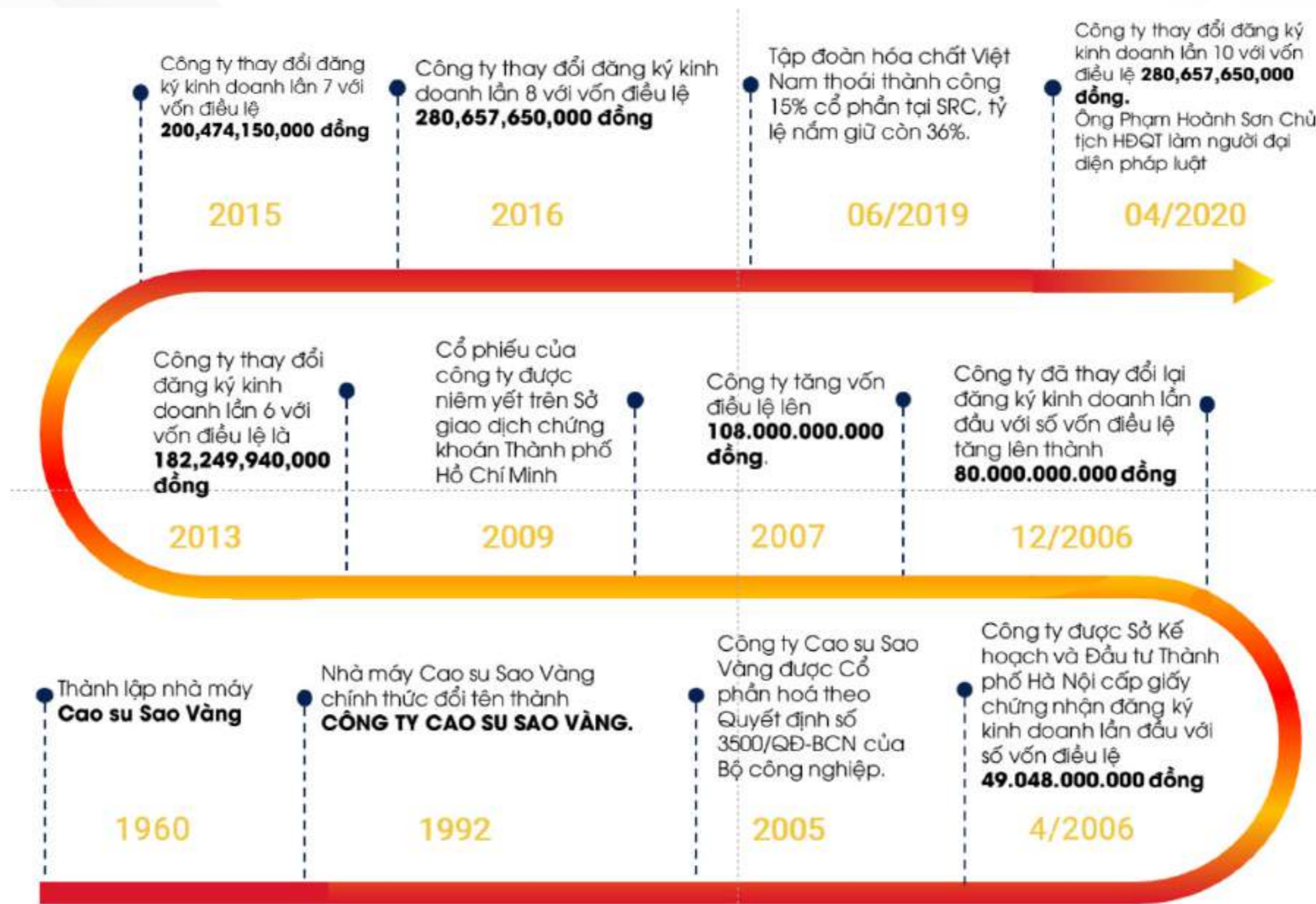
CHỈ TIÊU CHO MỘT ĐƠN VỊ CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	435	1.474	2.620	1.279	989
--------------------------	-----	-------	-------	-------	-----

CÁC GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh các sản phẩm làm từ cao su, chế tạo máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su và lốp các loại.

Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính:

Kinh doanh các sản phẩm làm từ cao su



Chế tạo, mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su



Lốp các loại (xe máy, xe tải, máy bay,...)



Cao su kỹ thuật



Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị máy móc, hoá chất phục vụ ngành sản xuất công nghiệp Cao su



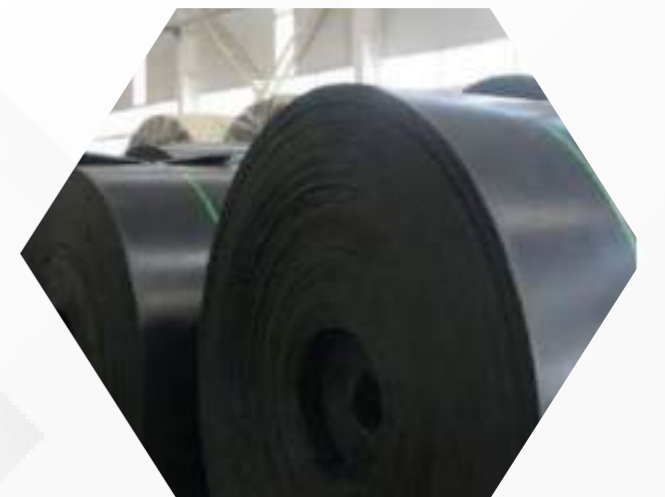
Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi



Săm các loại (xe máy, xe tải, xe đạp)



Băng tải



Địa bàn kinh doanh



Cùng với Trụ sở chính Hà Nội, Công ty hiện tại có 3 xí nghiệp và 3 chi nhánh tại Thái Bình, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. Sản phẩm của SRC có mặt tại 63 tỉnh thành và hơn 20 quốc gia trên Thế giới.



Đại lý khu vực Miền Bắc

25 Đại lý Săm lốp xe đạp
35 Đại lý Săm lốp xe máy
35 Đại lý xăm lốp ô tô

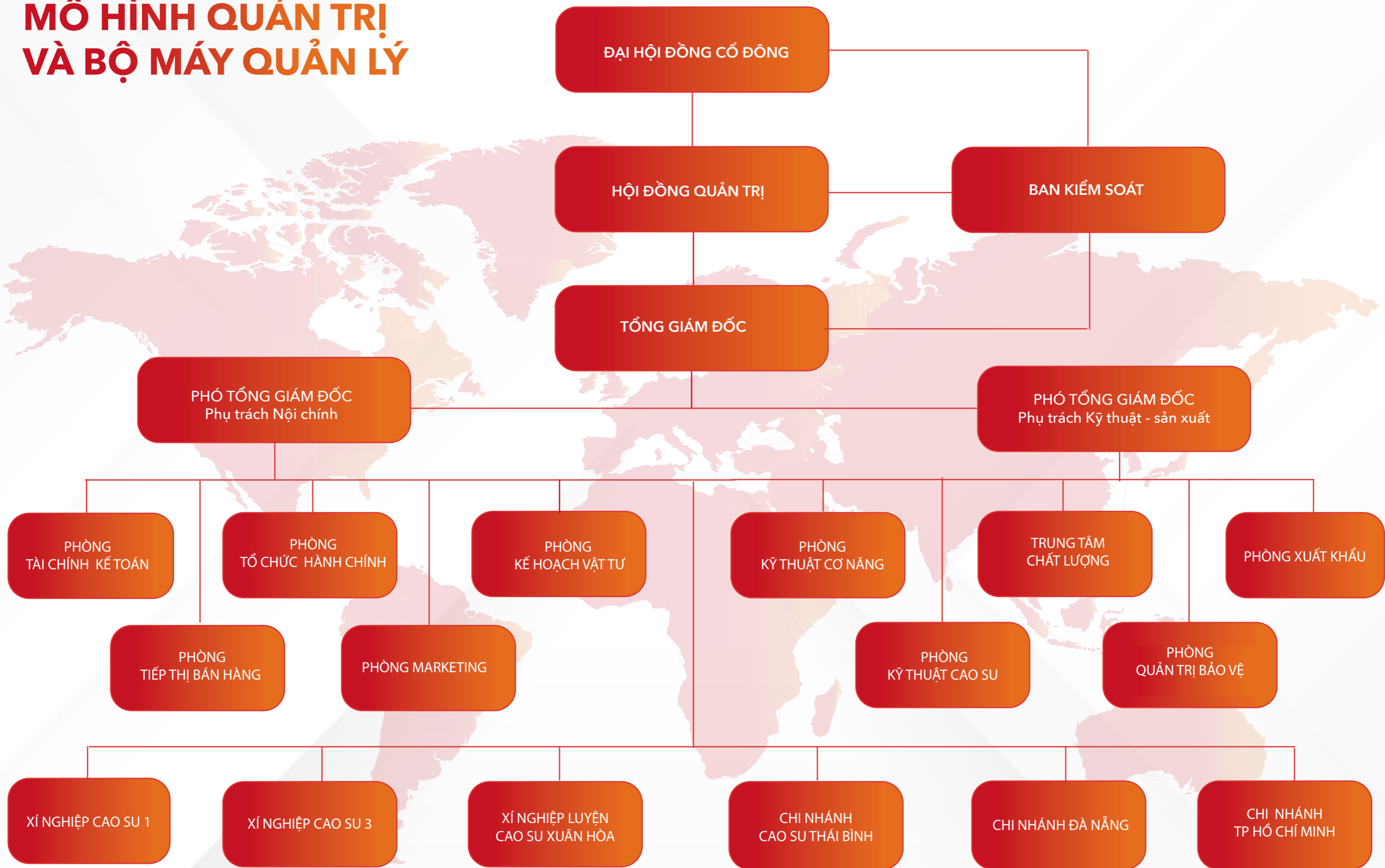
Đại lý khu vực Miền Trung

08 Đại lý Săm lốp xe đạp
10 Đại lý Săm lốp xe máy
15 Đại lý xăm lốp ô tô

Đại lý khu vực Miền Nam

13 Đại lý Săm lốp xe đạp
13 Đại lý Săm lốp xe máy
03 Đại lý xăm lốp ô tô

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN ĐIỀU HÀNH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông PHẠM HOÀNH SƠN

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1972
- Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh tế
- Ngày được bổ nhiệm: 4/2020

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn

Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Vũng Áng

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An

Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn

Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Sao Vàng - Hoàn Sơn



Ông NGUYỄN VIỆT HÙNG

- Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Năm sinh: 1967
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư điện, Kỹ sư Tin học
- Ngày được bổ nhiệm: 2019

Quá trình công tác:

1997 - 1999	Kỹ sư - XNNL CT Cao su Sao Vàng
1999 - 2000	Kỹ sư P.KTCN CT Cao su Sao Vàng
2000 - 2002	Thư ký Giám đốc CT Cao su Sao Vàng
2002 - 2003	Phó P.KTCN Công ty Cao su Sao Vàng
2003- 9/2006	Phó Giám đốc XNCS3 Công ty CP Cao su Sao Vàng
10/2006 - 2/2007	Phó GD, GD XN Năng lượng Công ty CP Cao su Sao Vàng
3/2007 - 9/2010	Giám đốc XNCS3 Công ty CP Cao su Sao Vàng
10/2010 - 10/2012	Giám đốc XNCS 1 Công ty CP Cao su Sao Vàng
10/2012 - 4/2018	Phó TGĐ Công ty CP Cao su Sao Vàng
5/2018 -2/2019	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ Công ty CP Cao su Sao Vàng



Ông NGUYỄN THANH TÙNG

- Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm P. Tổng giám đốc
- Năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Ngày được bổ nhiệm: 2019

Quá trình công tác:

5/1995 - 5/2002	Kế toán Công ty CP Cao su Sao Vàng
6/2002 - 3/2016	Phó phòng TCKT Công ty CP Cao su Sao Vàng
4/2016 - 4/2018	Thành viên HĐQT, Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP Cao su Sao Vàng
5/2018 - 15/12/2019	Thành viên HĐQT, Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP Cao su Sao Vàng
16/12/2019 - 14/01/2020	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Cao su Sao Vàng
15/01/2020 - 08/6/2020	Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty CP Cao su Sao Vàng
08/6/2020 - đến nay	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ Công ty CP Cao su Sao Vàng

Ông NGUYỄN ĐÌNH SƠN

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Ngày được bổ nhiệm: 4/2021



Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

08/1999 - 12/2017	Phó GD TT4 - Công ty TSTK & TVXD - BQP
01/2018 - nay	Phó GD Công ty TNHH Tư vấn, thiết kế Phú Xuân

Ông LƯƠNG XUÂN HOÀNG

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Cử nhân Kinh tế
- Ngày được bổ nhiệm: 4/2021



Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

08/1999 - 12/2017	5/2004 - 12/2012
01/2012 - 07/2014	Chuyên viên phòng kinh doanh Bắc Á - AMC
07/2014 - nay	CVC xử lý nợ Vietinbank

BAN KIỂM SOÁT



Ông NGUYỄN TRUNG HÒA

- Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
- Quốc tịch: Việt Nam Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh tế

Quá trình công tác:

T6/2000 - T3/2003	Công nhân thành hình lớp ô tô tại XNCS3, Công ty Cao su Sao Vàng
T4/2003 - T4/2006	Chuyên viên định mức kinh tế kỹ thuật P.TCHC, Công ty Cao su Sao Vàng
T4/2006 - T11/2006	Phó phòng TCNS, Công ty P Cao su Sao Vàng
T11/2006-T6/2007	Chuyên viên văn phòng công ty, Công ty CP Cao su Sao Vàng
T6/2007 - T2/2009	Chuyên viên phòng Kế hoạch vật tư, Công ty CP Cao su Sao Vàng
T2/1009 - T1/2015	Phó chánh văn phòng, Công ty CP Cao su Sao Vàng
T2/2015 - T8/2015	Phó phụ trách phòng Vật tư - Xuất nhập khẩu, Công ty CP Cao su Sao Vàng
T8/2015 - T9/2017	Trưởng phòng Vật tư - Xuất nhập khẩu, Công ty CP Cao su Sao Vàng
T9/2017 - T11/2019	Trưởng phòng Vật tư, Công ty CP Cao su Sao Vàng
T12/201 - T2/2020	Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư, Công ty CP Cao su Sao Vàng
T2/2020 - đến nay	Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Công ty CP Cao su Sao Vàng

Ông HOÀNG VĂN HÒA

Quá trình công tác:

2012 - 04/2018	Chuyên viên P.TTBH - Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
04/2018 - nay	Phó P.TTBH - Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng



Bà VŨ THỊ MAI NHUNG

- Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
- Quốc tịch: Việt Nam Năm sinh: 1968
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

1988 - 1999	Nhân viên kế toán, Công ty Xây dựng số 25 - Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng
2000 - 2007	Biên tập viên, Kế toán - NXB Thống kê
2008 - 2011	Chuyên viên phòng Tiếp thị bán hàng - CTCP Cao su Sao Vàng
2011 - 2015	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán, thành viên Ban Kiểm soát- Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam
2015 - nay	Chuyên viên Ban kế hoạch kinh doanh - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
2018 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát, CTCP Pin Ác Quy miền Nam



- Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
- Quốc tịch: Việt Nam Năm sinh: 1989
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông NGUYỄN VIỆT HÙNG

- Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Đã giới thiệu tại mục Hội đồng Quản trị



Ông NGUYỄN THANH TÙNG

- Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
- Đã giới thiệu tại mục Hội đồng Quản trị



Ông NGUYỄN QUANG HÀO

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
- Năm sinh: 1961
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa polyme Hóa Đại học Bách khoa Hà Nội

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

07/1997 - 5/2001	Giám đốc PT sản xuất - Công ty cao su Inoue Việt Nam
05/2001 - 1/2003	P. Giám đốc - XNCS3 Công ty Cao su Sao Vàng
01/2003 - 3/2006	Giám đốc - XNCS3 Công ty CP Cao su Sao Vàng
04/2006 - 1/2007	P. Tổng Giám đốc - Công ty CP Cao su Sao Vàng
02/2007 - 4/2011	TV. HĐQT, P. TGD- Công ty CP Cao su Sao Vàng
05/2016 - đến nay	P. Tổng Giám đốc - Công ty CP Cao su Sao Vàng

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con: Không có

Công ty liên kết:

STT	Công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty CP Philips Carbon Black	Lô đất số 4, Khu công nghiệp Mỹ Xuân A - Huyện Tân Thành - Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất than đen	120,6	7%
2	Công ty TNHH Sao Vàng Hoàn Sơn	Số 231 đường Nguyễn Trãi - Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	500	26%
3	Công ty Cổ phần Sao Vàng Hoàn Sơn	Khối hành chính dịch vụ, KCN cảng biển Vũng Áng, Xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cao su	750	50%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

ĐỊNH HƯỚNG DÀI HẠN:

Khẳng định vị thế là nhà cung cấp lốp xe và các sản phẩm cao su kỹ thuật hàng đầu Việt Nam.

Khai thác triệt để các dòng sản phẩm đang có doanh thu tốt trên thị trường, ngoài ra tập trung đầu tư công nghệ sản xuất các sản phẩm mới như: lốp Radial, lốp xe máy không săm, lốp xe đặc chủng, xe tải cỡ lớn...

ĐỊNH HƯỚNG NGẮN HẠN:

Công ty đang triển khai giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Di dời và sản xuất lốp Radial đến địa điểm mới. Gia tăng chất lượng sản phẩm, mở rộng các danh mục sản phẩm và tận dụng lợi thế từ các hiệp định thương mại để khai phá các thị trường xuất khẩu mới.

Áp dụng cải tiến công nghệ để gia tăng năng lực sản xuất kinh doanh, hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để sản xuất các sản phẩm đạt chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu và phù hợp với thị hiếu khách hàng.

PHÂN TÍCH SWOT



Điểm mạnh

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng là doanh nghiệp lâu đời, với kinh nghiệm nhiều năm sản xuất các sản phẩm sẫm lốp, công ty đang khẳng định được vị thế trên thị trường là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất sẫm lốp.

Mạng lưới khách hàng thân thiết và hệ thống đối tác trung thành, hệ thống phân phối rộng khắp với hàng trăm đại lý và các cửa hàng kinh doanh sẫm lốp trải dài khắp cả nước ở kênh bán hàng truyền thống.

Sở hữu quỹ đất vàng tại trung tâm thành phố Hà Nội, vị trí thuận lợi để phát triển các hoạt động kinh doanh bất động sản thương mại.

Cơ hội

Ngành cao su sẫm lốp Việt Nam nói chung và CTCP Cao su Sao Vàng nói riêng có nhiều cơ hội phát triển và cạnh tranh về giá bởi có nguồn nguyên liệu cao su tự nhiên dồi dào (Việt Nam có khí hậu thuận lợi để phát triển cây cao su, cao su tự nhiên không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn có khả năng xuất khẩu) và nguồn lao động rẻ.

Với lộ trình hội nhập với các hiệp định thương mại tự do được ký kết, các hàng rào thuế quan dần được dỡ bỏ, thị phần xuất khẩu của doanh nghiệp có nhiều dư địa để mở rộng. Thị trường ngành sản xuất sẫm lốp cũng như ô tô trong nước được ưu ái bởi nhiều chính sách công. Nhu cầu sẫm lốp và các sản phẩm cao su khác có xu hướng tăng trưởng nhờ nhu cầu bị dồn nén do ảnh hưởng của COVID-19 và hạn chế về nguồn cung trong giai đoạn 2021- 2022.

Quy hoạch và chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam tầm nhìn đến năm 2035 với mục tiêu thúc đẩy sản lượng ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước; phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ và tăng tỉ lệ nội địa hóa trong sản xuất ô tô. Nếu quy hoạch trên được thực hiện đồng bộ và hiệu quả thì sẽ mang lại tiềm năng tăng trưởng lớn cho ngành công nghiệp sẫm lốp nội địa.



Điểm yếu

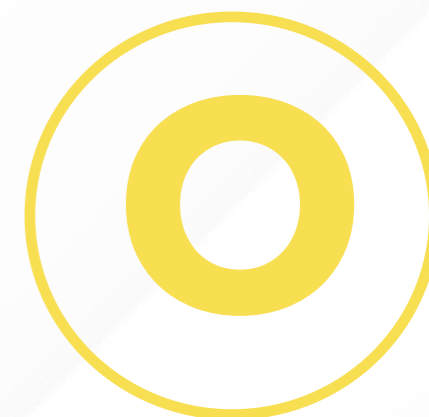
Tiềm lực tài chính hạn chế dẫn tới quy mô của các doanh nghiệp còn tương đối nhỏ so với các doanh nghiệp FDI, dẫn tới khả năng cạnh tranh về quy mô còn thấp

Công nghệ sản xuất kinh doanh còn thấp, doanh nghiệp gặp nhiều rào cản trong cập nhật máy móc thiết bị sản xuất kinh doanh.

Danh mục sản phẩm của công ty chưa đa dạng, còn một số sản phẩm chưa đáp ứng được thị hiếu của khách hàng, trong đó yếu tố công nghệ còn chưa cao.

Các dự án hợp tác, di dời cơ sở sản xuất kinh doanh có tốc độ triển khai chậm.

Phụ thuộc vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu dẫn tới khả năng kiểm soát chi phí đầu vào còn yếu.



Thách thức

Rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào là rất lớn. Với cao su thiên nhiên, tuy nguồn cung tại chỗ trong nước dồi dào nhưng giá cao su thiên nhiên Việt Nam gần như phụ thuộc hoàn toàn vào giá cao su thế giới. Còn các nguyên vật liệu đầu vào khác phần lớn phải nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài, làm giảm khả năng quản lý chi phí đầu vào của các doanh nghiệp.

Kinh tế toàn cầu bất ổn, lạm phát và đứt gãy chuỗi cung ứng, bất ổn địa chính trị và chiến tranh có nguy cơ làm giá thành nguyên vật liệu đầu vào của công ty tăng cao, dẫn đến giá vốn cao làm giảm lợi thế cạnh tranh về giá của doanh nghiệp. Tình hình lạm phát tăng cao, đời sống bị ảnh hưởng làm giảm sức cầu nhập khẩu hàng hoá, trong đó ảnh hưởng mạnh nhất là các mặt hàng không thiết yếu, trong đó có các mặt hàng sẫm lốp cao su.

Các sản phẩm của công ty gặp phải cạnh tranh gay gắt từ các nhà sản xuất khác. Sản phẩm lốp ô tô của Cao su Sao Vàng đã cũ và không còn bắt kịp xu hướng thị trường, chủ yếu do công nghệ sản xuất chưa cao. Ngoài ra, trong xuất khẩu, lốp xe Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ sẽ còn bị áp thêm thuế chống bán phá giá 22.3%. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn lốp xe nhập khẩu vào thị trường Châu Âu phải đáp ứng tiêu chuẩn Emark và chứng nhận Reach, tạo thử thách lớn cho các doanh nghiệp khi muốn sản phẩm sang thị trường này.



CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG



Rủi ro về kinh tế

Bức tranh kinh tế thế giới năm 2022 phân chia thành hai nửa rõ rệt: 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm 2022. Bước vào đầu năm 2022, kinh tế toàn cầu phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ sau một năm suy thoái vì đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, kể từ giữa năm 2022, khi xung đột Nga - Ukraine gia tăng, kết hợp chính sách “Zero Covid” của Trung Quốc đã làm tăng thêm khó khăn, thách thức như: Căng thẳng năng lượng, giá dầu và hàng hóa thế giới tăng kéo theo lạm phát cao tại nhiều nền kinh tế lớn (như Mỹ, Châu Âu...); chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng tiếp tục bị đứt gãy sau khi đã rất trầm trọng trong thời gian dịch COVID-19 bùng phát toàn cầu. Các ngân hàng trung ương phải thực hiện thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất nhanh và mạnh để kiểm soát lạm phát, từ đó cũng gây lên áp lực tài chính cho Doanh nghiệp. Bất chấp khó khăn, nền kinh tế Việt Nam đang có sự phục hồi rõ rệt sau ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19. GDP năm 2022 ước tính tăng 8,02% so

với năm trước, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. IMF dự báo kinh tế Việt Nam năm 2023 sẽ tăng trưởng 6,1%. Mức tăng trưởng như vậy sẽ đưa Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới. Dù tình hình trong nước được đánh giá là khả quan so với mặt bằng chung thế giới, doanh nghiệp vẫn đứng trước rủi ro về các đợt bùng phát dịch mới, về các vấn đề tắc nghẽn logistics, chi phí vận chuyển tăng cao và tình trạng lạm phát giá nguyên vật liệu, năng lượng đang dần trở nên trầm trọng hơn trong năm 2022.

Tình hình kinh tế khó khăn, lạm phát và lãi suất tăng cao đã tạo nên thách thức lớn cho Doanh nghiệp. Do đó, ban lãnh đạo công ty sẽ không chủ quan mà bám sát diễn biến thị trường, tình hình kinh tế vi mô, vĩ mô để có thể đưa ra các chính sách quản trị rủi ro kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế có sự chuyển biến không như mong muốn.

Rủi ro dịch bệnh

Trong năm 2022, tình hình dịch bệnh diễn ra hết sức phức tạp nhưng đã được khống chế kịp thời và được kiểm soát. Đỉnh dịch của cả nước được ghi nhận vào khoảng cuối tháng 2/2022, và ngay sau đó đã bắt đầu giảm mạnh. Việc dịch bệnh được kiểm soát đã củng cố niềm tin, sự an toàn của người dân, doanh nghiệp, góp phần quan trọng cho phục hồi và phát triển kinh tế xã hội. Mặc dù vậy, hiện Covid-19 vẫn còn nhiều biến chủng và việc kết thúc giãn cách xã hội, khôi phục giao thương, du lịch với các nước cũng làm tăng nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh, bùng dịch. Công ty vẫn cần chủ động trong việc phòng chống dịch, vừa để đảm bảo an toàn sức khỏe cho công nhân cũng như đảm bảo hoạt động sản xuất của công ty song song với việc phục hồi sau dịch, khôi phục sản xuất kinh doanh.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản luật liên quan khác. Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam trong năm 2022 có nhiều sự thay đổi bao gồm sự sửa đổi, bổ sung của Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp số 54/2020/QH14 và Luật chứng khoán 54/2019/QH14 sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Ngoài ra còn một số thông tư, nghị định hướng dẫn thực hiện những Luật này. Công ty cần chủ động nghiên cứu, tìm hiểu để thực hiện theo đúng những quy định đã được ban hành.

Rủi ro tỷ giá

15% doanh thu của ngành sẫm lớp đến từ xuất khẩu sang các nước, như vậy biến động tỷ giá cũng sẽ tác động trực tiếp đến doanh thu của công ty. Hơn nữa, nguyên liệu nhập khẩu phục vụ sản xuất chiếm tỷ trọng tương đối cao trong Công ty, hoạt động này chịu ảnh hưởng lớn bởi biến động tỷ giá. Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh và kinh nghiệm lâu năm trong ngành, SRC đã và đang nỗ lực trong công tác dự báo thị trường, dự báo nhu cầu nguyên vật liệu để đảm bảo cân đối nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và nhu cầu sử dụng ngoại tệ để hạn chế những bị động khi tỷ giá biến động cũng như khi thị trường nguyên vật liệu thế giới biến động.



Rủ ro cạnh tranh

Đối với thị trường xuất khẩu

Đối với thị trường Châu Âu, hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) mà Việt Nam đã kí kết với ưu đãi giảm thuế nhập khẩu về 0% trong vòng 7 năm đối với phụ tùng ô tô, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển sản phẩm của Công ty tại thị trường này. Tuy nhiên, lốp xe nhập khẩu phải đáp ứng tiêu chuẩn Emark và chứng nhận Reach, đây sẽ là thử thách không nhỏ khi doanh nghiệp muốn tìm kiếm cơ hội ở thị trường khó tính này.

Đối với thị trường Mỹ, Chính phủ Mỹ đã có quyết định cuối cùng về áp thuế chống trợ cấp chính phủ (CVD) và thuế chống bán phá giá (AD) đối với nhóm lốp xe bán thép (PCR) lắp cho xe tải nhỏ và xe du lịch sản xuất tại Việt Nam. Theo đó, DOC kết luận lốp xe hơi và xe tải nhẹ từ Việt Nam được trợ cấp không bình đẳng thông qua việc đồng tiền Việt Nam được định giá thấp hơn giá trị thực. Từ kết quả của cuộc điều tra, DOC áp thuế chống trợ cấp lần lượt 7.89% và 6.23% đối với lốp ô tô từ 2 công ty Kumho Tire (Việt Nam) Co. Ltd. và Sailun (Vietnam) Co. Ltd., các doanh nghiệp còn lại đều sẽ bị áp mức thuế suất chung 6.46%. Ngoài ra, lốp xe Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ sẽ còn bị áp thêm thuế chống bán phá giá 22.3%, trừ một số công ty FDI như Kenda Rubber, Sailun Group, Bridgestone Corp, Kumho Tire,... sẽ không phải chịu loại thuế này. Đây là một khó khăn trong cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Đối với thị trường trong nước

Ngoài cạnh tranh với các doanh nghiệp nội địa như CSM và DRC, Công ty còn cạnh tranh với các thương hiệu nhập khẩu nổi tiếng như: Bridgestone, Good-year, Michellin, Maxxis, Chengshin, Hankook... đặc biệt từ Trung Quốc đối với nhóm sản phẩm lốp TBR với giá bán rẻ tràn vào Việt Nam đã tạo áp lực mạnh mẽ đối với Công ty. Cùng với đó, Trung Quốc lại đang dần phục hồi sau đại dịch khiến các Doanh nghiệp sản phẩm Trung Quốc bắt đầu khôi phục sản xuất, tăng mức cạnh tranh. Sự đa dạng của dây sản phẩm cùng loại giữa các doanh nghiệp sản phẩm, đặc biệt là phân khúc giá rẻ đã đẩy các doanh nghiệp cạnh tranh về giá bán, chưa kể đến việc thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn do sức cầu của thị trường yếu, xu hướng tiêu dùng chuyển sang sử dụng lốp Radial mà Công ty chưa sản xuất được, sản phẩm SRC đang phải chịu sự cạnh tranh quyết liệt giữa các công ty sản xuất sản phẩm cùng loại và hàng nhập khẩu...

Rủi ro tài chính

Công ty luôn hướng đến cấu trúc tài chính lành mạnh, duy trì dòng tiền hợp lý để cân đối giữa rủi ro và tối đa giá trị doanh nghiệp. Ngoài ra, Ban Lãnh đạo đã và đang xây dựng mô hình quản trị rủi ro để cân đối tốt chi phí và quản lý rủi ro. Ban Lãnh đạo công ty đã theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro. Với kinh nghiệm quản trị của mình, ban quản trị đã nỗ lực để tối thiểu hóa các chi phí như chi phí bán hàng, quản lý chi phí giá vốn khiến tỷ suất lợi nhuận gộp của doanh nghiệp có sự tăng trưởng tốt so với cùng kỳ.

Rủi ro môi trường

Phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững đi kèm với bảo vệ môi trường luôn là mối quan tâm được doanh nghiệp đặt lên hàng đầu. Các phế phẩm, khí thải, nước thải từ quá trình sản xuất sản phẩm luôn được doanh nghiệp quan tâm xử lý đúng với quy định của nhà nước, sao cho ảnh hưởng đến môi trường xung quanh ở mức tối thiểu. Ngoài ra, công ty còn có những chính sách tái chế, tái sử dụng một số các nguyên liệu đầu vào vừa bảo vệ môi trường vừa tiết kiệm chi phí đầu vào.

Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng nằm ngoài ý chí chủ quan của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn,... hay những rủi ro đến từ những yếu tố mang tính vĩ mô của nền kinh tế là những rủi ro có thể gây thiệt hại đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty đều là những rủi ro khó lường. Công ty chỉ có thể hạn chế các rủi ro này bằng cách tiến hành mua bảo hiểm với tài sản để phần nào hạn chế hậu quả nếu rủi ro xảy ra cũng như tăng cường công tác dự báo, dự đoán để nắm bắt được những thay đổi trong nền kinh tế, từ đó vạch ra đường lối phát triển phù hợp cho Công ty.



Rủi ro nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty bao gồm: cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải màn, than đen, thép tanh, hóa chất các loại, chất độn, chiếm khoảng 70 - 75% giá thành sản phẩm. Chính vì vậy, giá thành các nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài cao su tự nhiên được mua từ các đối tác trong nước với nguồn cung khá dồi dào thì hầu hết các nguyên liệu khác đều phải nhập khẩu nên chi phí nguyên vật liệu phụ thuộc rất lớn vào biến động giá nguyên vật liệu thế giới.

Đầu năm 2022, trong bối cảnh chiến sự giữa Nga và Ukraine diễn ra căng thẳng, các lệnh trừng phạt từ phương Tây cũng như sự đáp trả của Nga đã đẩy giá nhiều nguyên vật liệu leo thang, giá nguyên liệu dầu và cao su tăng mạnh, trở thành yếu tố bất lợi cho ngành cao su chế biến sẫm lốp. Trong khi đó, chính sách tăng giá bán tương ứng với mức tăng của nguyên liệu đầu vào sẽ làm giảm sản lượng tiêu thụ đầu ra của doanh nghiệp. Đến nửa cuối năm 2022, giá dầu và giá cao su đã có sự hạ nhiệt đáng kể do tác động của việc tăng lãi suất và tăng nguồn cung dầu từ các quốc gia OPEC, làm giảm áp lực lên chi phí nguyên vật liệu sản xuất.

Để đối phó với rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào biến động, SRC có xu hướng gia tăng hàng tồn kho nhằm duy trì ổn định giá vốn hàng bán. Cùng với đó, công ty đã duy trì các mối quan hệ truyền thống với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để đảm bảo nguồn cung ứng nguyên vật liệu đầu vào ổn định, chất lượng đảm bảo, giá cạnh tranh. Đầu tư nghiên cứu công tác dự báo và thông tin đối thủ cạnh tranh để xây dựng được chiến lược giá bán linh hoạt, hợp lý.

CHƯƠNG

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất
kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện
dự án

Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu
tư của chủ sở hữu

Thông tin ngành

Năm 2021 và nửa đầu năm 2022 doanh nghiệp ngành sẫm lốp đối mặt với nhiều khó khăn. Tâm điểm là việc quý 2/2021, Bộ Thương Mại Mỹ (DOC) đưa ra kết luận về cuộc điều tra đối với lốp ô tô nhập khẩu từ Việt Nam. Từ kết quả của cuộc điều tra, DOC áp thuế chống trợ cấp lần lượt 7.89% và 6.23% đối với lốp ô tô từ 2 công ty Kumho Tire (Việt Nam) Co. Ltd. và Sailun (Vietnam) Co. Ltd., các doanh nghiệp còn lại đều sẽ bị áp mức thuế suất chung 6.46%. Ngoài ra, lốp xe Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ sẽ còn bị áp thêm thuế chống bán phá giá 22.3%, trừ một số công ty FDI như Kenda Rubber, Sailun Group, Bridgestone Corp, Kumho Tire,... sẽ không phải chịu loại thuế này. Trên thực tế dù phải chịu áp thuế trợ cấp và

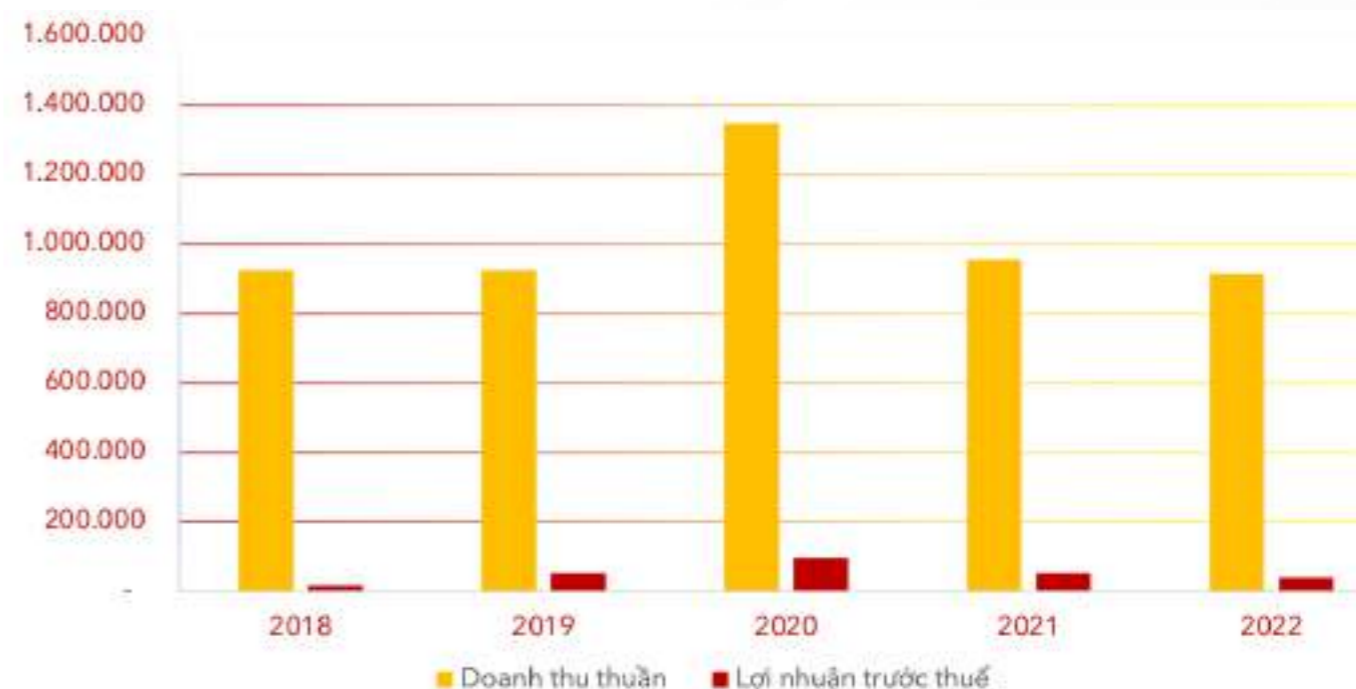
chống phá giá nhưng nhìn chung mức thuế suất mà các doanh nghiệp Việt Nam phải chịu vẫn thấp hơn các nơi khác trong khu vực như Đài Loan, Hàn Quốc - đều bị điều tra bởi DOC. Do vậy, việc cạnh tranh với các doanh nghiệp khác cũng bớt phần áp lực.

Bên cạnh đó, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) cũng một phần giúp sản phẩm của Việt Nam vào thị trường EU được thuận lợi hơn theo lộ trình giảm thuế nhập khẩu.

Tuy mở ra cơ hội vào thị trường lớn EU, nhưng các doanh nghiệp Việt Nam vẫn phải tích cực chuẩn bị, do tiêu chuẩn lốp vào thị trường Châu Âu có khác biệt, tạo thử thách lớn cho các doanh nghiệp trong nước khi bắt nhịp kịp thị trường.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Biểu đồ Doanh thu thuần và LNST giai đoạn 2018 - 2022



Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2022	TH năm 2022	TH 2022/KH 2022 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2000	915,3	45,8
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	38,2	38,2
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	80	27,7	34,7

Kết quả kinh doanh qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022	2021/2022 (%)
Doanh thu thuần	Triệu đồng	925.244	926.217	1.349.273	955.715	915.281	104,4
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	780.814	764.612	1.132.446	780.030	752.969	103,6
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	15.253	51.710	96.469	52.401	38.193	137,2

Thị trường kinh tế trong năm 2022 diễn biến khó lường, các ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh khiến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không quá khả quan so với kế hoạch.

Dịch bệnh bùng phát đỉnh điểm vào thời điểm quý I/2022 khiến sức mua của thị trường giảm mạnh, ngoài ra, các chi phí khác, chi phí tài chính tăng cao so với cùng kỳ. Trong 4 tháng cuối năm tình hình tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn do khởi đầu của suy thoái kinh tế, ngành hàng ô tô chịu tác động rất lớn của chủ trương siết tải của nhà nước cộng thêm siết chặt tín dụng để kiểm chế lạm phát dẫn đến doanh số ô tô giảm trầm trọng, các doanh nghiệp sản xuất ô tô phải dừng sản xuất vì không bán được xe. Đây là nguyên nhân gây giảm doanh thu trong năm.

Ngoài ra, SRC còn phải đối mặt với những khó khăn đến từ thị trường và các đối thủ cạnh tranh. Sự cạnh tranh khốc liệt các sản phẩm sẫm lốp nói chung của không chỉ các doanh nghiệp trong nước mà cả các doanh nghiệp nước ngoài tràn ngập thị trường Việt Nam. Thị trường sẫm lốp ô tô quá khó khăn do lốp nội tăng giá trong khi đó hàng Trung Quốc và đặc biệt là Chengshin, Maxxis không tăng giá dẫn đến tiêu thụ quá khó khăn. Xu hướng chuyên đổi lốp ô tô từ bias sang Radial trong khi Công ty chưa sản xuất được dòng sản phẩm này. Chính vì thế, các sản phẩm của SRC ngày càng mất lợi thế cạnh tranh. Mặc dù vậy, Ban lãnh đạo đã sát sao với tình hình kinh doanh của công ty, tối thiểu chi phí bán hàng để cải thiện lợi nhuận cho doanh nghiệp.

TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số cán bộ, nhân viên của SRC đến thời điểm 31/12/2022 là 800 người

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ
1	Theo giới tính:	
	- Nam	556
	- Nữ	244
2	Theo hợp đồng lao động:	
	- Toàn thời gian	800
	- Bán thời gian	
3	Theo trình độ:	
	- Đại học	157
	- Cao đẳng	199
	- Phổ thông	444

Năm 2022, số lượng lao động của Tổng công ty giảm so với năm 2021 là 44 lao động, toàn bộ là lao động làm việc toàn thời gian. Cán bộ, nhân viên của SRC có trình độ từ cao đẳng trở lên chiếm tỷ lệ đến 44,5% tổng số lao động, thể hiện rõ chủ trương tập trung nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực để phát triển doanh nghiệp của Công ty.

Cơ cấu lao động theo giới tính của SRC không có quá nhiều biến động trong năm 2022 với tỷ lệ lao động nữ luôn ở trên mức 30%, phù hợp với chủ trương bình đẳng giới trong các chính sách nhân sự của Công ty.



Những thay đổi trong ban điều hành:

Không có

Chính sách đối với người lao động

Về chính sách đối với người lao động, SRC luôn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước.

Chính sách tiền lương, thưởng: Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Tổng công ty, đảm bảo cạnh tranh thị trường, động viên khích lệ người lao động tăng năng suất và hiệu quả công việc, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chế độ bảo hiểm: Được thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước.

Chế độ phúc lợi: Người lao động được trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân đau ốm, có việc hiếu, hỷ; được tặng quà hiện vật vào các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm...

Chế độ chăm sóc sức khỏe: Người lao động được khám sức khỏe định kỳ hàng năm

Chính sách đào tạo: Công ty có kế hoạch đào tạo hàng năm cho cán bộ công nhân viên (CBCNV) cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc, qua đó CBCNV được thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ.

Các chế độ khác: CBCNV luôn được Tổng công ty tạo điều kiện trong việc cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động....



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÌNH HÌNH HỰC HIỆN DỰ ÁN

Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất săm lốp Cao Su Sao Vàng tại Hà Tĩnh

Đến thời điểm ngày 31/12/2022 Công ty CP Cao Su Sao Vàng đã góp 50% vốn tương đương 375.000.000.000 đồng, Công ty vẫn đang trong quá trình lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt. Tại thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất cho khoản góp vốn trên là 11.060.533 đồng.

Dự án di dời và sản xuất lốp Radial tại Hà Nam

Theo nghị quyết số 138/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2021 của HĐQT, Công ty chấm dứt dự án đầu tư Nhà máy Cao su Sao vàng tại Hà Nam và tìm kiếm nhà đầu tư để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng trên cơ sở thẩm định giá và bảo toàn vốn.

Dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất lốp xe máy không săm tại Xí nghiệp luyện Xuân Hòa”

Đã Lập xong Báo cáo khả thi, Công ty đang tiến hành xin cấp Giấy phép xây dựng các công việc khác để triển khai dự án theo đúng nghị quyết HĐQT.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Thoái phần vốn góp tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn

Vốn điều lệ Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn tính đến thời điểm ngày 31/12/2022 là 500 tỷ đồng, Công ty CP Cao Su Sao Vàng góp 26% tương đương 130.000.000.000 đồng. Tại thời điểm ngày 31/12/2022 Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư góp vốn trên số tiền là: 685.119.403 đồng.

Thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư góp tại Công ty Cổ phần Philip Carbon Black Việt Nam

Vốn góp tại Công ty CP Philip Carbon Black Việt Nam là: 8.444.062.358 đồng, ngoài ra Công ty đã ứng trước tiền góp vốn với số tiền: 2.966.978.675 đồng. Tại thời điểm ngày 31/12/2022 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư góp vốn trên với số tiền: 2.327.756.106 đồng, Công ty đang thực hiện các công việc để thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng trưởng
Tổng tài sản	Đồng	1.235.371.486.112	1.245.026.039.075	0,78%
Doanh thu thuần	Đồng	955.714.877.138	915.280.821.112	-4,23%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	52.568.402.357	34.353.507.333	-34,65%
Lợi nhuận khác	Đồng	(167.081.500)	3.839.076.127	
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	52.401.320.857	38.192.583.460	-27,12%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	40.044.808.538	27.741.255.413	-30,72%

Năm 2022, tổng tài sản của công ty tăng lên 1.245.026.039.075 đồng, tăng 0,78% so với năm 2021. Các chỉ tiêu lợi nhuận đều giảm so với năm 2021. Doanh thu thuần năm 2022 đạt 915.280.821.112 đồng, giảm 4,23% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế giảm 30,72%, đạt 27.741.255.413 đồng.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	Tăng/giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,99	1,02	2,8%
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,43	0,40	-7,6%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	64,98	64,71	-0,4%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	185,57	183,39	-1,2%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	3,26	2,47	-24,3%
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,72	0,74	2,1%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	4,19	3,03	-27,7%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	9,3	6,36	-31,6%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	3,03	2,24	-26,2%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	18,38	3,75	-79,6%



Hệ số khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty trong năm 2022 giữ ở mức ngang bằng so với năm 2021. Trong năm 2022, các khoản phải trả người bán ngắn hạn và phải trả thứ tín dụng trả chậm liên quan đến các hợp đồng mua thép, vật liệu xây dựng tăng lên. Trong khi đó vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm so với năm trước, tạo nên mức ổn định trong việc kiểm soát hoạt động thanh toán nợ ngắn hạn của công ty.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Về chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, các hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giữ mức bằng năm trước trong năm 2022. Cao su Sao Vàng vẫn phải phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay bên ngoài, thể hiện ở chỉ số nợ/vốn chủ sở hữu khá cao, xấp xỉ 2 lần. Nhìn chung mức độ sử dụng nợ của Công ty vẫn đang ở mức tương đối an toàn.

Hệ số năng lực hoạt động

Hệ số vòng quay hàng tồn kho của doanh nghiệp giảm 24,3% so với năm 2021, nguyên nhân chủ yếu đến từ hàng tồn kho trong năm 2022 tăng (khoảng 12% so với cùng kỳ) trong khi đó doanh thu năm 2022 chỉ giảm nhẹ so với năm ngoái. Cho thấy năng lực bán hàng của doanh nghiệp trong năm 2022 giữ ở mức ổn định so với năm trước, tuy nhiên doanh nghiệp cũng đã có những biện pháp để đảm bảo trước những sự biến động chi phí giá vốn đầu, thể hiện bởi việc tăng dự trữ hàng tồn kho trong năm.

Hệ số khả năng sinh lời

Yếu tố thị trường và các nguyên nhân khách quan khác không ủng hộ khiến doanh thu của doanh nghiệp chứng kiến sự suy giảm, từ đó kéo theo các hệ số tài chính như ROE, ROA giảm mạnh, khoảng 30% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc lợi nhuận sau thuế giảm mạnh (khoảng 31%). Trong năm vừa qua, doanh thu giảm và các chi phí tăng cao cũng khiến biên lợi nhuận thuần của doanh nghiệp giảm khoảng 30% xuống mức 3,02%.



CỔ ĐÔNG VÀ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2022, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã phát hành 28.068.162 cổ phiếu. Trong đó:

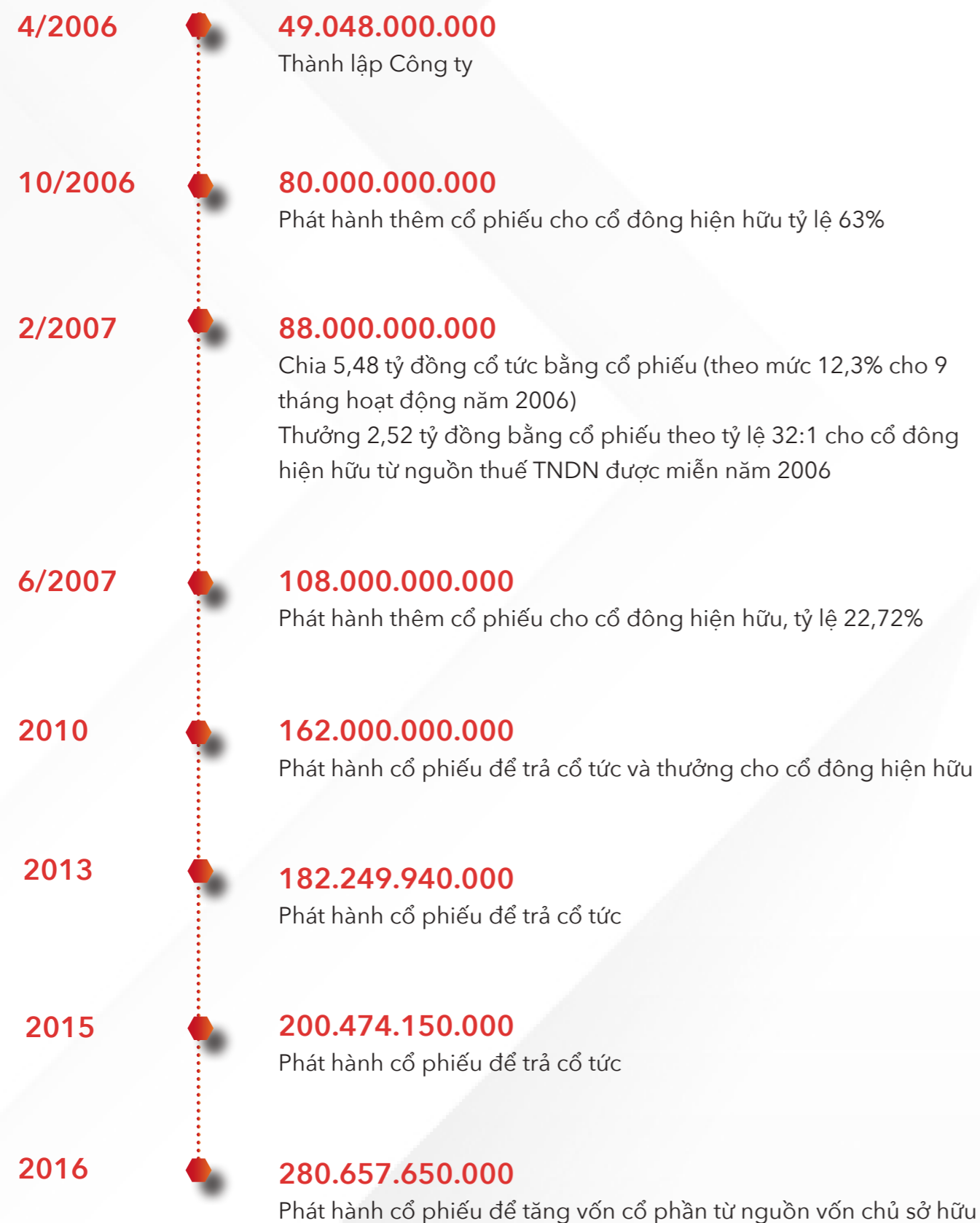
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 28.065.765 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 2.397 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng

Cơ cấu cổ đông

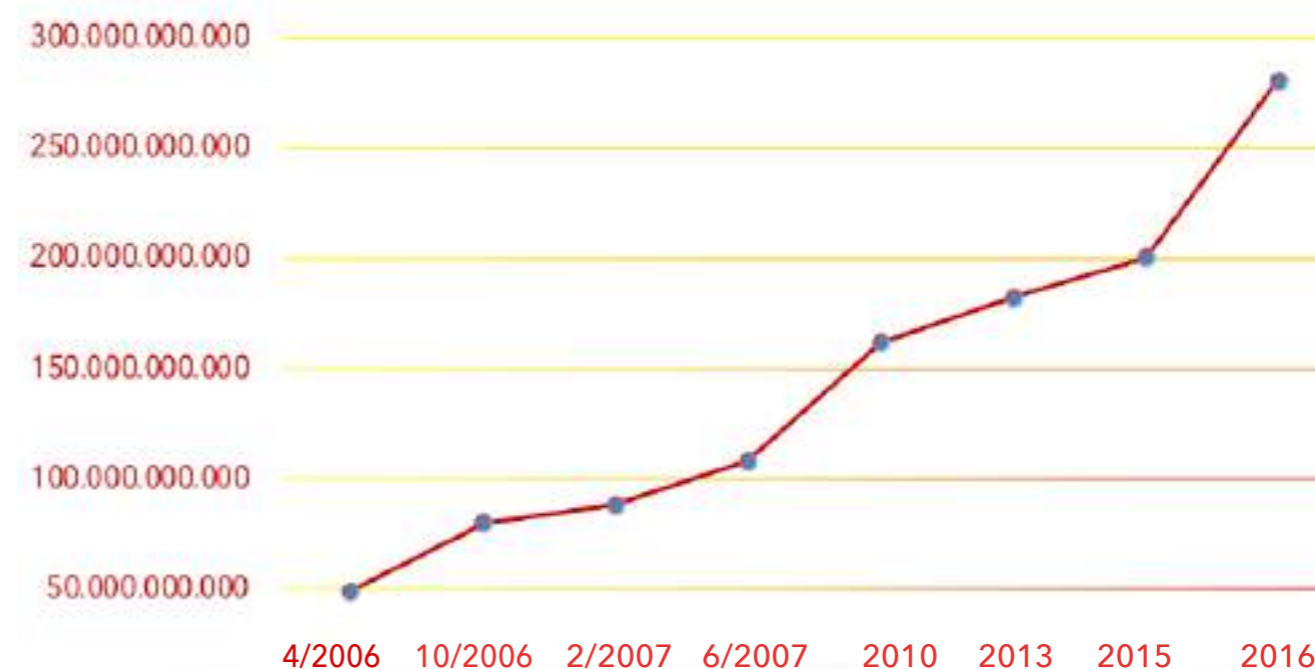
STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (mệnh giá)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn	16.990.265	169.902.650	60,54%	2
	Cổ đông trong nước	16.990.265	169.902.650	60,54%	2
	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%	0
2	Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu <5%)	22.698	226.980	0,08%	39
	Trong nước	1,270	12.700	0,00%	30
	Nước ngoài	21,428	214.280	0,08%	9
3	Cổ phiếu quỹ	2.397	23.970	0,01%	1
4	Công đoàn Công ty	23.774	237.740	0,08%	2
5	Cổ đông khác	11.026.631	110.266.310	39,29%	2.255
	Cổ đông tổ chức	11.019.693	110.196.930	39,26%	2.242
	Cổ đông cá nhân	6.938	69.380	0,02%	13
	Tổng cộng	28.065.765	286.657.650	100%	2.299

Theo danh sách chốt sổ cổ đông ngày 16/09/2022

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



Bảng: Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu theo thời gian



Danh sách cổ đông lớn, cổ đông nhà nước:

STT	Cá nhân/ tổ chức (tên người đại diện tổ chức)	Phân loại cổ đông	Số Chứng minh nhân dân/ Số đăng ký sở hữu	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đông nhà nước	0100100061	10.104.115
2	Công ty CP Tập đoàn Hoàng Sơn	Cổ đông lớn	3000244065	6.886.150

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.397 cổ phiếu
Các giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm: không

Các chứng khoán khác:

không

03

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

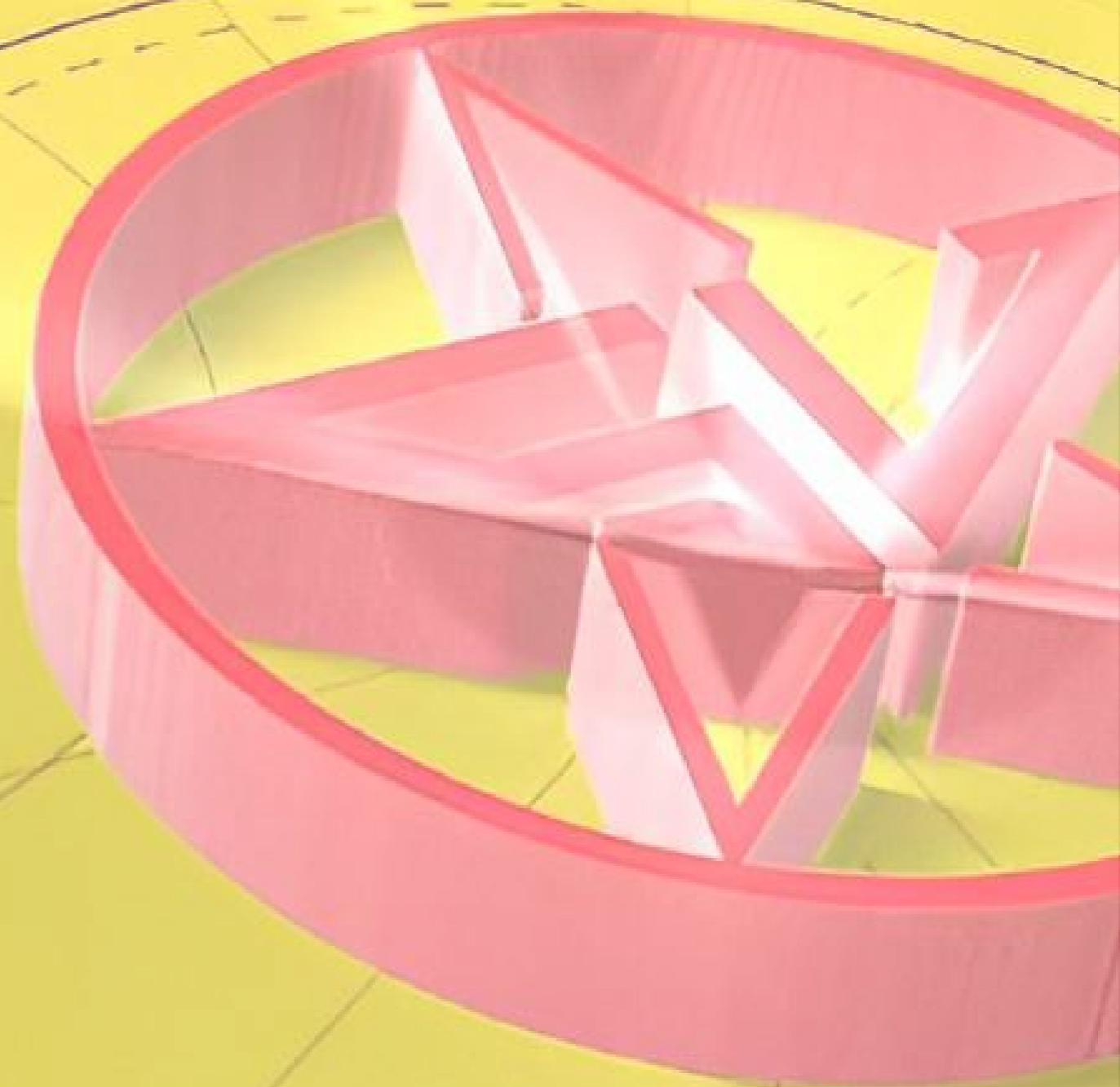
Báo cáo kết quả hoạt động sản
xuất kinh doanh năm 2022

Kế hoạch phát triển

Tình hình tài chính

Đánh giá của Ban điều hành liên
quan đến trách nhiệm về môi
trường, xã hội năm 2022

Đánh giá thực hiện nhiệm vụ
năm 2022





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2022

Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Tình hình thế giới năm 2022 chuyển biến nhanh, phức tạp, đan xen những mặt tích cực lẫn tiêu cực tác động đến việc chống dịch Covid-19 và phục hồi phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của các quốc gia, dân tộc. Tình hình xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na vẫn diễn biến phức tạp, giá dầu, lạm phát tăng cao tạo ra những thách thức, rủi ro cho kinh tế thế giới và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu.

Tuy nhiên trong nước tình hình kinh tế - xã hội vẫn có nhiều điểm sáng trên nhiều lĩnh vực như: Sản xuất công nghiệp, thu hút đầu tư, xuất nhập khẩu, lượng khách quốc tế đến Việt Nam... Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt quy mô và tốc độ tăng cao hơn so với cùng kỳ các năm trước khi xảy ra dịch Covid-19 nhưng chỉ là điểm sáng của một số mặt hàng và dịch vụ.

Với những đặc thù riêng, ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm Cao su nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cao su Sao Vàng còn gặp nhiều khó khăn như:

- Sự cạnh tranh khốc liệt các sản phẩm sẫm lốp nói chung của không chỉ các doanh nghiệp trong nước mà cả các doanh nghiệp nước ngoài tràn ngập thị trường Việt Nam.
- Thị trường sẫm, lốp ô tô rất khó khăn do lốp nội tăng giá trong khi đó hàng Trung Quốc và đặc biệt là Chengshin, Maxxis không tăng giá dẫn đến tiêu thụ khó.
- Xu hướng chuyển đổi lốp ô tô từ bias sang radial trong khi Công ty chưa sản xuất được dòng sản phẩm này.
- Lốp xe máy không sẫm dần thay thế lốp có sẫm. Công ty đã sản xuất lốp không sẫm tuy nhiên chủng loại còn chưa đa dạng, chất lượng có độ ổn định chưa cao.
- Rào cản kỹ thuật làm giảm sản lượng xuất khẩu do Công ty chưa được cấp chứng nhận chất lượng GSO để xuất khẩu sản phẩm sang các nước Trung đông.

Những khó khăn trên đã ảnh hưởng lớn đến khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường, ảnh hưởng đến việc tăng doanh thu và sản lượng tiêu thụ, tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, với sự nỗ lực cố gắng của Ban điều hành và toàn thể CBCNV trong Công ty trong năm qua đã đạt được một số kết quả rất tích cực thể hiện qua các mặt sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2022	Thực hiện năm 2022	% so với KH năm 2022	% so với thực hiện năm 2021
I- Giá trị sản xuất CN (theo giá CĐ 1994)	Tỷ đồng	380	308,8	81,3	88,4
II- Giá trị sản xuất CN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	1015	899,5	88,6	95,1
III- Doanh thu tiêu thụ		2000	915,3	45,8	95,8
Trong đó: DT SXCN	Tỷ đồng	970	874,7	90,2	102,8
DT thương mại, DT khác		1030	40,5	3,9	38,5
IV- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	38,2	38,2	72,9
V- Sản phẩm sản xuất chủ yếu					
1- Lốp xe đạp	Chiếc	3.900.000	3.572.562	91,6	84,5
2- Săm xe đạp	Chiếc	4.400.000	4.285.635	97,4	96,8
3- Lốp xe máy	Chiếc	1.500.000	1.188.110	79,2	100,3
4- Săm xe máy	Chiếc	6.400.000	5.585.343	87,3	99,8
5- Lốp ô tô	Chiếc	277.000	231.092	83,4	82,2
6- Săm ô tô	Chiếc	250.000	161.522	64,6	71,4
7- Yếm ô tô	Chiếc	120.000	61.860	51,6	73,9
VI- Sản phẩm tiêu thụ chủ yếu					
1- Lốp xe đạp	Chiếc	4.350.991	3.856.817	88,6	105,5
2- Săm xe đạp	Chiếc	4.460.682	4.234.781	94,9	104,4
3- Lốp xe máy	Chiếc	1.390.147	1.199.528	86,3	103,2
4- Săm xe máy	Chiếc	6.054.765	5.308.233	87,7	94,8
5- Lốp ô tô	Chiếc	272.952	222.180	81,4	83,1
6- Săm ô tô	Chiếc	249.877	177.865	71,2	84,2
7- Yếm ô tô	Chiếc	119.238	69.413	58,2	90,3

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Trong năm 2021, SRC chịu sự ảnh hưởng rất lớn trước tác động kép của tình hình kinh tế thế giới biến động khó lường và ảnh hưởng của các đối thủ cạnh tranh về chất lượng và giá thành, làm cho tình hình sản xuất kinh doanh rất khó khăn. Trước tình hình đó, tập thể Ban lãnh đạo Công ty đã phát huy nỗ lực, sáng tạo trong điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu tài chính do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Từ đó tình hình tài chính của Công ty vẫn đảm bảo lành mạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi.

SRC luôn chấp hành đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.



Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		2022/2021 (%)
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	507.041.219.921	41,0	530.074.887.666	42,6	104,5
Tài sản dài hạn	728.330.266.191	59,0	714.951.151.409	57,4	98,2
Tổng tài sản	1.235.371.486.112	100,0	1.245.026.039.075	100	100,8

Cơ cấu tài sản trong năm 2020 có sự thay đổi nhỏ. Tổng giá trị tài sản tại ngày 31/12/2022 là 1.235.371.486.112 đồng. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng lên 42,6% trong khi đó tài sản dài hạn giảm xuống còn 57,4%. Tài sản ngắn hạn tăng lên chủ yếu do tiền và các khoản tương đương tiền, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng. Tài sản dài hạn giảm do giảm tài sản cố định hữu hình.

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		2022/2021 (%)
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	514.726.997.327	64,1	520.676.985.270	64,6	101,2
Nợ dài hạn	288.051.535.130	35,9	285.016.346.391	35,4	98,9
Tổng nợ phải trả	802.778.532.457	100,0	805.693.331.661	100	100,4

Công ty không có nhiều sự thay đổi trong cơ cấu nợ của mình. Nợ dài hạn giảm từ 35,9% tỷ trọng nợ, xuống còn 35,4% tại thời điểm 31/12/2022. Nợ ngắn hạn tăng tỷ trọng từ 64,1% lên 64,6% là do các khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng chủ yếu do tăng phải trả người bán ngắn hạn.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022

Các mặt đã làm được

Tập thể lãnh đạo Công ty, Ban điều hành, cán bộ quản lý trong Công ty nhận thức rõ và đề ra các biện pháp từng bước giải quyết khắc phục các yếu kém tồn tại trong công tác quản trị Công ty như: khả năng cạnh tranh, vấn đề chất lượng sản phẩm, giá thành, đa dạng hóa sản phẩm, công tác thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý chi phí, tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm điều chỉnh giá thành sản phẩm phù hợp với thị trường, hợp lý hóa sản xuất. Tổ chức, bổ sung các quy định quy chế hiện có để kiểm soát việc mua bán nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng. Đảm bảo quá trình xét duyệt đúng quy định, quy chế mua sắm vật tư đã ban hành. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tích cực tìm thêm các nhà cung cấp mới, nhà cung cấp trong nước các vật tư phục vụ sản xuất đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh.

Với những khó khăn trong công tác tiêu thụ, Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch, mục tiêu cho từng tháng, từng quý và phấn đấu thực hiện. Tiếp tục rà soát, tổ chức lại hệ thống đại lý tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước. Tổ chức triển khai thực hiện các phương án tiếp cận khách hàng mới nhằm đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra ở mức cao nhất có thể.

Coi trọng công tác thực hiện định mức vật tư, luôn cập nhật hoàn thiện bộ định mức, kiểm điểm định mức hàng tháng, đề ra biện pháp khắc phục kịp thời các sai lệch, yếu kém trong xây dựng và quản lý thực hiện định mức vật tư tại các đơn vị.

Các mặt tồn tại trong công tác điều hành

Chưa khắc phục triệt để các nguyên nhân làm giảm chất lượng lốp (Độ mài mòn nhanh, bật tanh)

Công tác nghiên cứu phát triển sản xuất sản phẩm mới chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường.

Công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương

Công ty luôn chú trọng đến công tác xây dựng tiền lương, đơn giá tiền lương, đảm bảo ổn định thu nhập và ngày càng được cải thiện tạo tiền đề cho người lao động yên tâm công tác, nâng cao năng suất lao động và đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo qui định đối với người lao động.

Tổ chức thực hiện triển khai công tác Bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo đúng các quy định của Nhà nước và Công ty.

Trong năm 2022, lao động toàn Công ty có 800 người tính đến ngày 31/12/2022.

Thu nhập bình quân thực tế 1 tháng năm 2022 của người lao động là: 10,8 triệu đồng/tháng (tăng 1 % so với năm 2021). Thu nhập của người lao động tăng tuy nhiên với tỷ lệ nhỏ và vẫn ở mức thấp so với mặt bằng chung khu vực.



Công tác thị trường

Căn cứ bảng so sánh kết quả tiêu thụ năm 2022 so với năm 2021 thì ta thấy doanh thu nội địa tăng 7,73% (tăng 52,8 tỷ) so với năm 2021, hoàn thành 96,3% so với kế hoạch năm 2022.

Mặc dù chỉ đạt 96,3% kế hoạch năm 2022 tuy nhiên theo đánh giá đây là một năm triển khai công tác bán hàng thành công vì tình hình thị trường diễn biến rất phức tạp, cạnh tranh khốc liệt của hàng ngoại cũng như các thương hiệu sản xuất trong nước trong khi đó chất lượng sản phẩm lốp ô tô của Công ty bị sự cố lồi tanh, nứt chân hoa.. Trong 4 tháng cuối năm tình hình tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn do khởi đầu của suy thoái kinh tế, ngành hàng ô tô chịu tác động rất lớn của chủ trương siết tải của nhà nước cộng thêm siết chặt tín dụng

để kiềm chế lạm phát dẫn đến doanh số ô tô giảm trầm trọng, các doanh nghiệp sản xuất ô tô phải dừng sản xuất vì không bán được xe tuy nhiên bằng nhiều giải pháp khác nhau doanh thu Quý 4/2022 vẫn đảm bảo dẫn đến kết quả cả năm 2022 tương đối khả quan, đây là nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống kinh doanh tại thị trường nội địa trong năm 2022 . Chất lượng sản phẩm của Công ty không cạnh tranh được với DRC, Maxxis dẫn đến việc tiêu thụ đã khó ngày càng khó hơn, các đối thủ ngày càng nâng cấp chất lượng trong khi đó SRC không những không duy trì được chất lượng mà còn gặp rất nhiều sự cố như lồi tanh, đặc biệt là hiện tượng nứt hàng loạt của lốp ô tô dọc các loại từ năm 2021 mà trong năm 2022 vẫn chưa khắc phục được

nên tác động ghê gớm đến kết quả tiêu thụ.

Thị trường xe đạp, xe máy bớt khó khăn hơn đối với ngành hàng ô tô do chất lượng và giá bán của SRC còn có thể cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại có thương hiệu trên thị trường nên cơ bản chúng ta giữ được tại miền bắc và phát triển được thêm tại miền trung, miền nam đồng thời quá trình mở rộng mạng lưới phân phối cũng triển khai thuận lợi Chỉ riêng sẫm xe máy là chịu tác động rất lớn của các loại sẫm tư nhân giá rẻ nhưng chất lượng vẫn ổn nên các tỉnh vùng sâu, vùng xa, miền núi bị tác động mạnh vì dân trí thấp và khách hàng nghèo nên ưa giá rẻ, các cửa hàng bán thì lợi nhuận cao hơn những hàng có thương hiệu.

Công tác tài chính

Thực hiện và kiểm tra việc ghi chép số liệu kế toán đảm bảo tính toán và phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế tài chính tại Công ty và các tổ chức, đơn vị cơ sở trực thuộc Công ty trên các chứng từ, sổ sách kế toán vào các báo cáo tài chính. Làm tốt công tác huy động vốn, sử dụng hợp lý các nguồn vốn như vốn đầu tư của các cổ đông, lựa chọn phương án đầu tư, lựa chọn Ngân hàng có cơ chế và lãi suất hợp lý...đảm bảo nguồn vốn của Công ty luôn được bảo toàn và phát triển.

Chấp hành nghiêm chỉnh việc tính toán đầy đủ, kịp thời đúng chính sách, chế độ của Nhà nước ban hành về các khoản thuế phải nộp ngân sách. Giải quyết đúng chính sách với người lao động.

Kiểm tra giám sát việc thu chi tài chính, việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn và sự biến động tăng giảm của các loại tài sản, vật tư tiền vốn tại Công ty và các đơn vị cơ sở trực thuộc công ty. Phát hiện các vi phạm nguyên tắc quản lý kinh tế tài chính trong Công ty và các đơn vị cơ sở trực thuộc Công ty. Báo cáo và đề xuất với lãnh đạo Công ty các biện pháp xử lý theo đúng quy định hiện hành.

Lập báo cáo tài chính toàn Công ty, chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của báo cáo tài chính, gửi báo cáo tài chính cho các cơ quan chức năng quản lý nhà nước theo quy định của chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

Cùng với phòng ban nghiệp vụ trong toàn Công ty tham gia tiến hành việc đối chiếu và thu hồi công nợ, phát huy đầy đủ tính tự chủ trong sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính của Công ty.

Công tác khoa học kỹ thuật, chất lượng

Năm 2022, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, tích cực tìm kiếm, khai thác, nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng đưa vào sản xuất các loại vật liệu mới, thay đổi đơn pha chế, hợp lý hóa nguyên vật liệu và kết cấu sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty. Cụ thể:



- Khảo sát và điều chỉnh và ban hành định mức nguyên vật liệu cho các sản phẩm cao su, tính toán thi công và định mức làm cơ sở chào giá các sản phẩm xăm lốp xuất khẩu và cao su kỹ thuật.

- Phối hợp với các đơn vị sản xuất trong công ty xử lý và khắc phục kịp thời các biến động trong sản xuất, giám sát quá trình sản xuất giảm tỷ lệ phế và sản phẩm lỗi ra thị trường.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và công tác cơ điện

Trong năm 2022, công tác đầu tư xây dựng thực hiện việc giao nhận thiết bị máy móc, lắp đặt, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng thiết bị máy móc thuộc các gói thầu đã ký hợp đồng năm 2020. Kết quả thực hiện:

Giá trị thực hiện: 9.475.000.000 đồng

Giá trị giải ngân: 19.475.000.000 đồng

Hoàn thành việc lập, thẩm tra, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất lốp xe máy không xăm tại Xí nghiệp luyện Xuân Hòa” với sản lượng 50.000 lốp/tháng.

Công tác quản lý sử dụng vật tư, linh kiện, phụ tùng cơ điện được giám sát chặt chẽ từ

việc nhập, xuất cấp phát, đáp ứng cho việc bảo dưỡng sửa chữa thiết bị, chủ động trong việc chuẩn bị các vật tư, phụ tùng dự phòng hợp lý nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng.



Công tác ATLĐ - VSCN - PCCN và công tác môi trường

Trong năm 2022, công tác ATLĐ - VSCN - PCCN đã được Công ty thực hiện đầy đủ chế độ theo đúng quy định của pháp luật.

+ Thông qua các đợt huấn luyện định kỳ, huấn luyện mới để phổ biến các chế độ chính sách của cơ quan nhà nước về công tác AT-VSLĐ cho người lao động. Chỉ ra cho người lao động các mối nguy hiểm, các nguy cơ tiềm ẩn trong dây chuyền sản xuất và các biện pháp để phòng tránh, nhằm hạn chế tai nạn lao động xảy ra trong quá trình làm việc.

+ Công tác PCCN thường xuyên được kiểm tra đảm bảo quy trình, quy định. Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho CBCNV công ty nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm cũng như nghiệp vụ thực tập phương án PCCN theo kế hoạch của Cảnh sát PCCC.

+ Xây dựng kế hoạch và tham gia cùng Hội đồng ATVSLĐ của Công ty tiến hành kiểm tra công tác ATVSLĐ tại các đơn vị trong Công ty định kỳ 3 tháng/lần để đánh giá tình hình thực hiện các mặt của công tác ATVSLĐ, phát hiện những tồn tại, đề xuất các biện pháp khắc phục.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Các chỉ tiêu chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2023	% so với thực hiện năm 2022	
			SX	TT
I- Giá trị sản xuất CN (theo giá CĐ 1994)	Tỷ đồng	350	113,3	
II- Giá trị sản xuất CN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	1024	113,8	
III- Doanh thu tiêu thụ		2000	218,5	
Trong đó: DT SXCN	Tỷ đồng	970	110,9	
DT thương mại, DT khác		1030	2543,2	
IV- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	261,8	
V- Sản phẩm sản xuất chủ yếu				
1- Lốp xe đạp	Chiếc	5.100.000	142,8	132,2
2- Săm xe đạp	Chiếc	5.000.000	116,7	118,1
3- Lốp xe máy	Chiếc	1.440.000	121,2	120
4- Săm xe máy	Chiếc	5.600.000	100,3	105,5
5- Lốp ô tô	Chiếc	230.000	99,5	103,5
6- Săm ô tô	Chiếc	240.000	148,6	134,9
7- Yếm ô tô	Chiếc	120.000	194	172,9

Tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại và những khó khăn trong thời gian tới

Dự báo năm 2023 tình hình kinh tế và chính trị - an ninh thế giới vẫn diễn biến phức tạp khó lường. Kinh tế trong nước áp lực lạm phát, tỷ giá, lãi suất cao, thị trường tiền tệ, trái phiếu doanh nghiệp... còn tiềm ẩn rủi ro. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn những khó khăn, thách thức như giá vật liệu đầu vào tăng cao ảnh hưởng lớn đến giá bán, cạnh tranh quyết liệt với các nhà sản xuất trong nước và nước ngoài và đặc biệt Công ty chưa có sản phẩm lốp Radial.

Một số giải pháp chủ yếu

Công tác quản trị doanh nghiệp

Thực hiện nghiêm Nghị quyết của HĐQT trong việc điều hành, chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.

Chỉ đạo phối hợp tốt giữa các đơn vị trong Công ty đẩy nhanh việc nghiên cứu và triển khai sản xuất thêm các sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, tăng doanh thu bán hàng.

Phát huy tối đa việc bố trí hợp lý các dây chuyền sản xuất, năng lực trang thiết bị, giữ ổn định đội ngũ lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất kinh doanh.

Tập trung đảm bảo ổn định và nâng cao chất

lượng sản phẩm trong quản lý điều hành tại các đơn vị trong Công ty, khắc phục những tồn tại về mặt chất lượng sản phẩm đã được khách hàng phản ánh nhằm nâng cao uy tín thương hiệu Công ty và nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm.

Tăng cường quản lý, giám sát đối với các đơn vị trong việc thực hiện các quy định về quản lý lao động, quản lý định mức vật tư, nguyên liệu, năng lượng, tích cực tìm kiếm và triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Phấn đấu đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận ở mức cao nhất.

Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo nguồn lực thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác cơ điện, năng lượng

Rà soát, hoàn thiện Quy chế hoạt động Cơ điện, thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng thiết bị, định mức chế tạo sửa chữa máy móc thiết bị, phụ tùng. Thực hiện tốt công tác quản lý thiết bị, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo phục vụ sản xuất tốt. Theo dõi tình trạng thiết bị, kịp thời sửa chữa

thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất. Đánh giá nhận diện khắc phục ngay các điểm gây lãng phí năng lượng (điện, hơi nóng, khí nén), đặt mục tiêu giảm chi phí tiêu hao năng lượng năm sau so với năm trước khoảng 2%.



Công tác lao động tiền lương

- Thường xuyên rà soát và hoàn thiện công tác định biên, định mức lao động, tiền lương. Từ đó xây dựng mới hoặc điều chỉnh cho phù hợp chi phí tiền lương đối với từng đơn vị, từng sản phẩm trong Công ty.
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực năm 2023 đạt hiệu quả cao nhất. Kết hợp với các đơn vị tìm giải pháp ngăn chặn việc sụt giảm lao động.
- Thực hiện tốt hơn nữa công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động/ khám sức khỏe định kỳ, giải quyết các chế độ đúng quy định.

Công tác tài chính

- Phát huy chức năng, nhiệm vụ của công tác Tài chính và Luật kế toán trong kiểm soát nội bộ, kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty nhằm nhận diện và đề xuất những biện pháp phòng ngừa rủi ro, chống lãng phí, đảm bảo chi phí hợp lý, hợp lệ nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm SRC.
- Kiểm soát chặt chẽ thu chi, công nợ, thanh toán phối hợp với phòng TTBH hạn chế tối đa phát sinh nợ khó đòi trong công nợ của khách hàng.
- Chuẩn bị Báo cáo tài chính năm, Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2022 và các báo cáo khác trình Đại hội đồng cổ đông.
- Tư vấn, tham mưu cho lãnh đạo Công ty các biện pháp quản lý tài chính, tiết giảm chi phí, giá thành sản phẩm.



Công tác khoa học kỹ thuật và bảo đảm chất lượng

Nghiên cứu cải thiện chất lượng lốp ô tô với các nội dung chính: Cải thiện khả năng chịu mòn của lốp, cải thiện hiện tượng nứt rãnh hoa đối với lốp hoa dọc, nâng cao chất lượng ngoại quan, giảm tỷ lệ sửa chữa lốp.

Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015. Nghiên cứu hợp lý và tối ưu hoá các đơn pha chế nhằm hợp lý hoá chi phí nguyên vật liệu, tiết giảm chi phí.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Nghiên cứu cải thiện chất lượng lốp ô tô với các nội dung chính: Cải thiện khả năng chịu mòn của lốp, cải thiện hiện tượng nứt rãnh hoa đối với lốp hoa dọc, nâng cao chất lượng ngoại quan, giảm tỷ lệ sửa chữa lốp.

Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015. Nghiên cứu hợp lý và tối ưu hoá các đơn pha chế nhằm hợp lý hoá chi phí nguyên vật liệu, tiết giảm chi phí.

Công tác khác

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên xây dựng các chương trình hành động cụ thể, thiết thực, phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất, phong trào lao động sáng tạo, tập hợp ý tưởng, cải tiến hợp lý hóa, áp dụng khoa học tiên tiến hiện đại vào sản xuất, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí nhằm hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm và động viên CBCNV tích cực lao động sản xuất hoàn thành nhiệm vụ năm 2022.
- Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Khen thưởng động viên kịp thời các bộ phận, cá nhân có thành tích cao trong lao động sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường làm việc, chăm lo sức khỏe cho người lao động. Xây dựng và thực hiện hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 phiên bản 2015, xây dựng môi trường lao động sản xuất thực sự xanh - sạch - đẹp, văn minh hiện đại.

Với truyền thống Sao Vàng, bằng nỗ lực phấn đấu của tất cả CBCNV, chúng ta tin tưởng trong thời gian tới, Công ty sẽ đoàn kết vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2023, đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, tạo tiền đề cho Công ty phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI NĂM 2022

Đánh giá các hoạt động liên quan đến cộng đồng - xã hội

Công ty luôn ý thức được để phát triển bền vững, cần nâng cao trách nhiệm, đóng góp của mình với cộng đồng địa phương. Điều đó thể hiện thông qua việc phối hợp với các cơ quan địa phương để phòng chống dịch bệnh, thực hiện đúng các quy định của

pháp luật về môi trường, kinh doanh, đảm bảo cuộc sống cho người lao động. Công ty luôn hành động để hướng tới mục tiêu cống hiến cho xã hội, ngày càng hoàn thiện hơn và hướng tới phát triển bền vững của xã hội và Công ty.



Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

Toàn thể công ty nỗ lực thực hiện các chính sách về bảo vệ môi trường, với tiêu chí phát triển bền vững và có trách nhiệm với môi trường, cộng đồng xung quanh.

Công ty đã có những chính sách tái sử dụng nguyên vật liệu, đẩy mạnh công tác xử lý chất thải, nước thải từ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên theo đúng quy trình, quy định của pháp luật. Ngoài ra, công ty cũng tích cực tuyên truyền, vận động nhằm biến nhận thức bảo vệ môi trường thành ý thức tự giác và

hành động cụ thể ở từng cán bộ công nhân viên, từng bước trong quy trình sản xuất.

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng thực hiện quan trắc, kiểm tra chất lượng nước thải hàng quý, kết quả quan trắc cho thấy công đang thực hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường, kiểm soát chất lượng nước thải theo đúng quy định của pháp luật. Ý thức được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, công ty cũng tích cực đầu tư nghiên cứu làm mới sản phẩm theo hướng bảo vệ môi trường, có thể tái sử dụng.

Đánh giá các hoạt động liên quan đến người lao động

Xác định con người là nhân tố cốt lõi thúc đẩy phát triển bền vững của doanh nghiệp nên ngay từ ngày đầu thành lập, SRC đã nỗ lực đem lại cho CBCNV môi trường làm việc tốt, đời sống trong doanh nghiệp phong phú cả về vật chất và tinh thần.

Để đảm bảo an toàn lao động cho CBCNV: CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, được kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm để hạn chế tối đa rủi ro cũng như phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp; Khu nhà văn phòng, nhà máy

sản xuất được trang bị hệ thống chống cháy, báo cháy, bình chữa cháy, vòi nước... nhằm ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp.

Người lao động tại công ty được tham gia đủ các loại bảo hiểm, gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cũng như quyền lợi về tiền lương, thưởng, chế độ nghỉ phép hằng năm. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên có chương trình đào tạo người lao động giúp họ nâng cao tay nghề cũng như các chính sách lương thưởng nhằm khích lệ tinh thần làm việc của người lao động.

CHƯƠNG

04

**BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về
mọi mặt hoạt động**

**Hoạt động của Hội đồng quản trị
năm 2022**

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về
hoạt động của Ban điều hành**

Mức cổ tức năm 2023

**Kế hoạch của Hội đồng quản trị
năm 2023**



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Tình hình thế giới năm 2022 chuyển biến phức tạp từ xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na, tác động tiêu cực do dịch Covid-19, giá dầu tăng, lạm phát tăng cao tạo ra những thách thức, rủi ro cho kinh tế thế giới và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu.

Với những đặc thù riêng, ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm Cao su nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cao su Sao Vàng còn gặp nhiều khó khăn. Sự cạnh tranh khốc liệt các sản phẩm sẫm lốp trong và ngoài nước diễn biến mạnh. Hơn nữa, thị trường sẫm, lốp ô tô rất khó khăn do lốp nội địa tăng giá trong khi đó hàng Trung Quốc và đặc biệt là Chengshin, Maxxis có chất lượng tương đương có giá thành ở mức thấp dẫn đến tiêu thụ sản phẩm trong nước càng hạn chế. Bên cạnh đó, xu hướng chuyển đổi lốp ô tô từ bias sang radial trong khi Công ty chưa sản xuất được dòng sản phẩm này. Lốp xe máy không sẫm đang dần thay thế lốp có sẫm. Công ty đã nghiên cứu dây chuyền, bắt đầu sản xuất lốp không sẫm tuy nhiên chủng loại còn chưa đa dạng, chất lượng có độ ổn định chưa cao. Rào cản kỹ thuật cũng là một trở ngại lớn làm giảm sản lượng xuất khẩu do Công ty chưa được cấp chứng nhận chất lượng GSO để xuất khẩu sản phẩm sang các nước Trung Đông.

Những khó khăn trên đã ảnh hưởng lớn đến khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường, ảnh hưởng đến việc tăng doanh thu và sản lượng tiêu thụ, tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, với sự nỗ lực cố gắng của Ban điều hành và toàn thể CBCNV trong Công ty trong năm qua đã đạt được một số kết quả rất tích cực thể hiện qua các mặt sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Nghị quyết ĐHQĐ năm 2022	Thực hiện	So sánh (%)
Giá trị sản xuất CN				
- Theo giá cố định 1994	Tỷ đồng	380	308,8	81,3
- Theo giá thực tế	Tỷ đồng	1.015	899,5	88,6
Doanh thu	Tỷ đồng	2.000	915,3	45,8
Trong đó: SXCN	Tỷ đồng	970	874,7	90,2
Thương mại, khác	Tỷ đồng	1.030	40,5	3,9
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	38,2	38,2

Nhận xét:

Chỉ tiêu sản xuất công nghiệp theo giá thực tế năm 2022 đạt 88,6% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự sụt giảm của chỉ tiêu này do sự thiếu hụt lao động, dịch bệnh làm ảnh hưởng đến sản lượng sản xuất của toàn Công ty. Ngoài ra công tác tiêu thụ khó khăn vào giai đoạn cuối năm gây tồn kho lớn Công ty đã phải điều tiết giảm sản xuất.

Tuy giá trị doanh thu Sản xuất công nghiệp chỉ 874,7 tỷ đạt 90,2%, nhưng đó là cả sự nỗ lực điều hành và bám sát thị trường của HĐQT và Ban lãnh đạo công ty, kịp thời có những chính sách giá bán phù hợp với từng giai đoạn giữa bối cảnh rất khó khăn của thị trường trong dịch bệnh.

Lợi nhuận trước thuế đạt 38,2 tỷ đạt 38,2% so với kế hoạch, nguyên nhân chính do biến động của giá nguyên vật liệu tăng cao, sức tiêu thụ sản phẩm giảm, chi phí vận chuyển tăng ...



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

Căn cứ vào các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các nghị quyết, quyết định.

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức họp 6 phiên và nhiều lần lấy ý kiến thành viên HĐQT. Căn cứ vào kết quả các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản, thay mặt HĐQT, chủ tịch HĐQT đã ký ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh,

quyết định phê duyệt, quyết định khác... Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.

Các phiên họp HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham gia, các vấn đề quan trọng HĐQT mời thủ trưởng các đơn vị, Chi nhánh, Xí nghiệp trong Công ty tham dự để

tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, có sự đồng thuận cao và đạt mục tiêu tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả cho Công ty.

Ngoài ra HĐQT và các thành viên đã tích cực tham gia cùng với Ban điều hành chỉ đạo các đơn vị, Chi nhánh, Xí nghiệp trong Công ty triển khai thực hiện nghị quyết trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty, đặc biệt là công tác sản xuất tại Chi nhánh Thái Bình và Xí nghiệp luyện Xuân Hòa.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2022

Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí sản xuất, nâng cao công tác quản trị, nâng cấp chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán hàng.

Phát huy tối đa việc bố trí hợp lý các dây chuyền sản xuất, năng lực trang thiết bị, giữ ổn định đội ngũ lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất kinh doanh

Qua quá trình kiểm điểm công tác, cho thấy Ban điều hành đã triển khai thực hiện các nghị quyết

và kết luận của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao đáng ghi nhận.

Ban điều hành, cán bộ quản lý trong công ty nhận thức rõ và đã tập trung giải quyết khắc phục các yếu kém về khả năng cạnh tranh, vấn đề chất lượng sản phẩm, giá thành, đa dạng hóa sản phẩm, công tác thị trường trong nước và xuất khẩu trong công tác quản trị Công ty.

Đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm, Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch và mục tiêu cho từng tháng. Từng bước khắc phục tồn tại, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm SRC. Tổ chức triển khai thực hiện phấn đấu nhằm đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra ở mức cao nhất có thể.

Thường xuyên rà soát bổ sung các quy định, quy

chế hiện có nhằm kiểm soát chặt chẽ việc mua bán, xuất nhập phụ tùng, vật tư, nguyên vật liệu, đảm bảo quá trình xét duyệt đúng quy định, qui chế mua sắm vật tư đã ban hành.

Coi trọng công tác thực hiện định mức vật tư, luôn cập nhật hoàn thiện bộ định mức, kiểm điểm định mức hàng tháng, đề ra biện pháp khắc phục kịp thời các sai lệch, yếu kém trong xây dựng và quản lý thực hiện định mức vật tư tại các đơn vị.

Duy trì và thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 và chăm sóc sức khỏe cho người lao động, giải quyết các chế độ đúng quy định.

Tuy nhiên, trong hoạt động của Ban điều hành vẫn có những tồn tại sau:

- Công tác điều hành quản lý trực tiếp tại các xí nghiệp sản xuất có lúc còn chậm. Bộ máy quản lý lao động, quản lý công nghệ ở một vài đơn vị có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Bố trí lao động tại một số bộ phận, dây chuyền sản xuất tiếp tục bị mất cân đối do biến động giảm về quy mô sản xuất, cơ cấu sản phẩm bị thay đổi nhiều dẫn đến năng suất lao động chưa cao.

- Công tác kỹ thuật chưa sâu sát, chưa quyết liệt khắc phục triệt để các nguyên nhân làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

- Công tác phát triển sản xuất sản phẩm mới còn chậm, chưa theo kịp nhu cầu thị trường.

MỨC CỔ TỨC NĂM 2023

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 và kết quả SXKD, HĐQT Công ty đã họp và thống nhất trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 xem xét thông qua trả cổ tức 6 % vốn điều lệ bằng tiền mặt.

KẾ HOẠCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, căn cứ kế hoạch phát triển Công ty năm 2023. Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung chính như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023	So với thực hiện năm 2022 (%)
Giá trị sản xuất CN			
-Theo giá cố định 1994	Tỷ đồng	350	113,3
-Theo giá thực tế	Tỷ đồng	1.024	113,8
Doanh thu	Tỷ đồng	2.000	218,5
Trong đó: SXCN	Tỷ đồng	970	110,9
Thương mại, khác	Tỷ đồng	1.030	2.543,2
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	261,8
Mức cổ tức	%	10	166,7

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, HĐQT cần kiên quyết thực hiện các giải pháp sau đây:

- Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung giám sát hoạt động của Ban điều hành, các bộ quản lý các mặt hoạt động của Công ty
- Đề xuất với Ban điều hành các giải pháp quản lý sản xuất, quản lý chi phí, quản lý chất lượng.
- Hoàn thiện công tác bán hàng, điều chỉnh chính sách tiêu thụ hợp lý với đại lý, nhà phân phối. Kiên quyết khắc phục những hạn chế của mình đã nêu trong phần đánh giá của HĐQT về hoạt động điều hành năm 2022.
- Sử dụng lao động có hiệu quả, tìm mọi biện pháp tăng năng suất lao động trong tình trạng thiếu người.
- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, có chính sách giữ người có trình độ cao, tay nghề giỏi, từng bước tăng thu nhập cho người lao động.
- Quyết tâm phát triển sản phẩm mới, chất lượng cao đặc biệt là lốp ô tô công trường quy cách lớn, lốp xe máy không săm, săm xe máy butyl đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.



CHƯƠNG

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và ban Tổng giám đốc

Ban kiểm soát

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị (HĐQT) luôn quan tâm sâu sát đến các mặt hoạt động của Công ty, từ đó, đưa ra các chỉ đạo kịp thời và hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho HĐQT được Ban điều hành thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT được Ban điều hành triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của HĐQT.

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT/ TV HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch HĐQT	16/12/2019	
2	Nguyễn Việt Hùng	TV HĐQT, TGD	28/4/2018	
3	Nguyễn Thanh Tùng	TV HĐQT, P. TGD	08/06/2020	
4	Nguyễn Đình Sơn	TV HĐQT	26/04/2021	
5	Lương Xuân Hoàng	TV HĐQT	26/04/2021	

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Phạm Hoàn Sơn	06	100%	
2	Nguyễn Việt Hùng	06	100%	
3	Nguyễn Thanh Tùng	06	100%	
4	Nguyễn Đình Sơn	06	100%	
5	Lương Xuân Hoàng	06	100%	

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1	11A/QĐ-HĐQT	07/01/2022	Phê duyệt KH ĐT-XDCB năm 2022	100
2	16B/NQ-HĐQT	24/01/2022	Phê duyệt dự án "Đầu tư mở rộng sản xuất lớp xe máy không sấm tại XN LXH"	100
3	16C/QĐ-HĐQT	26/01/2022	Phê duyệt dự án "Đầu tư mở rộng sản xuất lớp xe máy không sấm tại XN LXH"	100
4	20/NQ-HĐQT	22/02/2022	Bổ nhiệm lại có thời hạn 5 năm Ông Nguyễn Việt Hùng giữ chức Tổng giám đốc Công ty	100
5	21/QĐ-HĐQT	22/02/2022	Bổ nhiệm lại có thời hạn 5 năm Ông Nguyễn Việt Hùng giữ chức Tổng giám đốc Công ty	100
6	22/NQ-HĐQT	01/03/2022	Thông nhất thời gian và nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100
7	31/NQ-HĐQT	10/03/2022	Chủ trương bổ nhiệm các chức danh quản lý công ty	100
8	36/NQ-HĐQT	24/03/2022	Thông qua các Văn bản, Báo cáo, Tờ trình để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100
9	37A/QĐ-HĐQT	24/03/2022	Cử người, phân công nhiệm vụ tham gia BQL dự án "Đầu tư mở rộng sản xuất lớp xe máy không sấm tại XNL Xuân Hoà"	100
10	38A/QĐ-HĐQT	24/03/2022	Phê duyệt hưởng phụ cấp kiêm nhiệm năm 2022 cho các thành viên tham gia BQL dự án "Đầu tư mở rộng sản xuất lớp xe máy không sấm tại XNL Xuân Hoà"	100
11	38B/QĐ-HĐQT	24/03/2022	Phê duyệt dự toán thu chi của BQL dự án "Đầu tư mở rộng sản xuất lớp xe máy không sấm tại XNL Xuân Hoà"	100
12	45/QĐ-HĐQT	30/03/2022	Phê duyệt KH triển khai quy hoạch CB công ty giai đoạn 2021-2026	100
13	46/QĐ-HĐQT	08/04/2022	Ban hành danh sách quy hoạch CB công ty giai đoạn 2021-2026	100
14	67/NQ-HĐQT	26/04/2022	Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo công ty	100
15	68/QĐ-HĐQT	26/04/2022	Bổ nhiệm chức vụ KTT Công ty (Ô Tuấn)	100
16	69/QĐ-HĐQT	26/04/2022	Giao nhiệm vụ Ông Nguyễn Thanh Tùng	100
17	70/QĐ-HĐQT	26/04/2022	Bổ nhiệm chức vụ P. TGD Công ty (Ô Hào)	100
18	76A/QĐ-HĐQT	27/04/2022	Thành lập HĐ phát triển KH và CN	100

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
19	77/QĐ-HĐQT	28/04/2022	Phê duyệt dự toán và KHLCNT giai đoạn thiết kế bản vẽ và thi công, dự toán dự án "Đầu tư mở rộng sản xuất lớp xe máy không sẫm tại Xí nghiệp Luyện Xuân Hoà"	100
20	77A/QĐ-HĐQT	28/04/2022	Thành lập HĐ quản lý quỹ phát triển KH và CN	100
21	78/QĐ-HĐQT	29/04/2022	Thành lập tổ thẩm định dự án ĐT-XDCB của Công ty	100
22	86/NQ-HĐQT	30/05/2022	Lựa chọn công ty Kiểm toán độc lập	100
23	100/NQ-HĐQT	30/06/2022	Thành lập tổ thư ký Công ty	100
24	101/QĐ-HĐQT	30/06/2022	Bổ nhiệm thành viên tổ thư ký Công ty	100
25	102/NQ-HĐQT	06/07/2022	Bổ nhiệm các chức danh quản lý (Cấp phòng)	100
26	112/NQ-HĐQT	21/07/2022	Nhân sự Ban kiểm toán nội bộ	100
27	113/QĐ-HĐQT	21/07/2022	Bổ nhiệm thành viên Ban KTNB Công ty	100
28	117/NQ-HĐQT	09/08/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền	100
29	124/QĐ-HĐQT	09/09/2022	Phê duyệt chỉ định thầu gói thầu "Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán thuộc dự án đầu tư mở rộng sản xuất lớp xe máy không sẫm tại Xí nghiệp Luyện Xuân Hoà"	100
30	131/NQ-HĐQT	01/11/2022	Ký HĐ tiêu thụ sản phẩm với Cty CP Tập đoàn Hoàn Sơn	100
31	135/NQ-HĐQT	09/11/2022	Thông qua việc bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ với các chức danh quản lý (cấp phòng) Công ty	100
32	136/NQ-HĐQT	09/11/2022	Thông qua chủ trương, kế hoạch thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức danh Phó TGD Công ty.	100

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): không

Đào tạo về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

Ngày 28/06/2022 Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tổ chức Hội nghị các tổ chức đăng ký chứng khoán tại VSD năm 2022 nhằm phổ biến một số nội dung thay đổi; giới thiệu hệ thống cổng giao tiếp điện tử giữa VSD và tổ chức phát hành. Công ty có cử 1 Đại diện lãnh đạo và Thư ký Công ty tham dự.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Ngày không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Nguyễn Trung Hoà	Trưởng BKS	25/4/2022		Cử nhân kinh tế
2	Vũ Thị Mai Nhung	TV BKS	27/4/2019		Cử nhân kinh tế
3	Hoàng Văn Hoà	TV BKS	26/04/2021		Cử nhân QTKD
4	Trần Minh Tuấn	Trưởng BKS	26/4/2016	25/4/2022	Cử nhân kinh tế

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát (BKS) đã họp tổng cộng 5 phiên để triển khai các công việc. Kiểm tra, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện kế hoạch năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định, cụ thể:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2022 của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Kiểm soát việc ban hành và thực hiện các quy chế, quy định;
- Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022;
- Kiểm soát thực hiện việc thoái vốn của Công ty tại Công ty CP Philip Carbon Black và Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn theo đúng các quy định của pháp luật;
- Kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm;
- Kiểm soát việc phân phối lợi nhuận năm 2021 và xây dựng kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022;
- Giám sát việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ của từng thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát đã cố gắng thực hiện một cách tốt nhất công việc mình được phân công.

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Trung Hoà	3	100	100	
2	Vũ Thị Mai Nhung	5	100	100	
3	Hoàng Văn Hoà	5	100	100	
4	Trần Minh Tuấn	2	100	100	

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra giám sát tình hình tài chính và báo cáo tài chính 4 quý năm 2022 của Công ty. Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ Điều lệ, quy chế quản trị Công ty và các quy định của Pháp luật có liên quan.
 - Ban điều hành đã và đang triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 và các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hay nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định của Điều lệ Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị cung cấp kịp thời đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định. Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận phòng ban chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát khi có yêu cầu.

Tình hình kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty của Ban Kiểm soát năm 2022

Kiểm soát công tác tài chính kế toán, Báo cáo tài chính năm:

- Tổ chức công tác kế toán:**
- Công ty thực hiện lập và gửi Báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Nhà nước;
 - Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty phù hợp với các quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp, Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các văn bản hiện hành của Nhà nước;
 - Sổ sách kế toán, thống kê đầy đủ, rõ ràng, lưu trữ đúng quy định của chế độ kế toán thống kê. Định kỳ, Công ty thực hiện kiểm kê tiền mặt, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, đối chiếu công nợ (phải thu, phải trả) đầy đủ theo quy định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN.

- Báo cáo Tài chính năm 2022:**
- BCTC năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
 - Qua thẩm tra báo cáo, thảo luận trực tiếp với kiểm toán viên và xem xét các tài liệu liên quan, BKS nhận thấy: Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, nguồn vốn trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
 - BKS nhất trí với các số liệu cũng như báo cáo của kiểm toán viên đã nêu trong Báo cáo tài chính năm 2022, số liệu chi tiết do đại diện của Ban điều hành báo cáo tại Đại hội.



Đầu tư tài chính và góp vốn vào doanh nghiệp khác

Công ty đã thực hiện góp vốn liên doanh, liên kết thành lập Công ty Cổ phần Sao Vàng Hoàn Sơn để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất săm lốp Cao Su Sao Vàng tại Hà Tĩnh, đã được Sở KHĐT tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy phép đầu tư số 3002153776 ngày 05 tháng 03 năm 2020. Đến thời điểm ngày 31/12/2022 Công ty CP Cao Su Sao Vàng đã góp 50% vốn tương đương 375.000.000.000 đồng, Công ty vẫn đang trong quá trình lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt. Tại thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất cho khoản góp vốn trên là 11.060.533 đồng.

Vốn điều lệ Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn tính đến thời điểm ngày 31/12/2022 là 500 tỷ đồng, Công ty CP Cao Su Sao Vàng góp 26% tương đương 130.000.000.000 đồng, Công ty đang tiếp tục lộ trình thoái phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn trên cơ sở theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư. Tại thời điểm ngày 31/12/2022 Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư góp vốn trên số tiền là: 685.119.403 đồng.

Vốn góp tại Công ty CP Philip Carbon Black Việt Nam là: 8.444.062.358 đồng, ngoài ra Công ty đã ứng trước tiền góp vốn với số tiền: 2.966.978.675 đồng. Tại thời điểm ngày 31/12/2022 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư góp vốn trên với số tiền: 2.327.756.106 đồng, Công ty đang thực hiện các công việc để thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư này.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản: Công tác đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 2022 chủ

yếu là thực hiện các hạng mục đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị lẻ, thực hiện theo Quyết định số 11A/QĐ-HĐQT ngày 07/1/2022 của Hội đồng quản trị, đảm bảo theo đúng các quy định của Pháp luật.

Đối với Dự án di dời và sản xuất lốp Radial tại Hà Nam: Theo nghị quyết số 138/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2021 của HĐQT, Công ty chấm dứt dự án đầu tư Nhà máy Cao su Sao vàng tại Hà Nam và tìm kiếm nhà đầu tư để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng trên cơ sở thẩm định giá và bảo toàn vốn.

Đối với Dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất lốp xe máy không săm tại Xí nghiệp luyện Xuân Hòa”: Đã Lập xong Báo cáo khả thi, Công ty đang tiến hành xin cấp Giấy phép xây dựng các công việc khác để triển khai dự án theo đúng nghị quyết HĐQT.

Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2022

Thể thức cuộc họp, nội dung, biên bản cuộc họp: Các Nghị quyết, quyết định và văn bản của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.

Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị đã thể hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông năm 2022, chỉ đạo về sản xuất kinh doanh để hoàn thành kế hoạch đề ra.

Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021 đã thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

Việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Ban kiểm soát nhất trí với nội dung đánh giá kết quả thực hiện năm 2022 như báo cáo của Hội đồng quản trị.

Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2022

Thể thức cuộc họp, nội dung, biên bản cuộc họp: Các Nghị quyết, quyết định và văn bản của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.

Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị đã thể hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông năm 2022, chỉ đạo về sản xuất kinh doanh để hoàn thành kế hoạch đề ra.

Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021 đã thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

Việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Ban kiểm soát nhất trí với nội dung đánh giá kết quả thực hiện năm 2022 như báo cáo của Hội đồng quản trị.

Kiểm soát các nội dung hoạt động của Ban điều hành:

BKS không nhận được các đơn thư kiến nghị hay đề xuất của cổ đông về việc đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc công ty.

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện việc điều hành công ty một cách thống nhất, tập trung, đúng theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ.

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2022: Các chỉ tiêu cụ thể, đánh giá và nguyên nhân đã được nêu tại Báo cáo của Ban điều hành, Ban kiểm soát nhất trí với nội dung báo cáo của Ban điều hành.

Các nội dung khác như chi phí đầu vào, các hợp đồng mua bán vật tư, hàng hóa, các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra theo hình thức chọn mẫu ngẫu nhiên. Qua xem xét Ban Kiểm soát thấy

Công ty đã tuân thủ quy định của nhà nước và quy chế của Công ty.

Các quy chế và quy định của Công ty phù hợp với hình thức hoạt động của Công ty cổ phần đã được triển khai và hoạt động.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành:

Với tinh thần trách nhiệm, trong quá trình hoạt động BKS luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong các cuộc họp. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành phù hợp với mục tiêu của Hội đồng quản trị và các chính sách Pháp luật quy định.



Ban Kiểm soát nhận xét và kiến nghị

Trong năm 2022, Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty. Trong quá trình làm việc Ban kiểm soát chưa phát hiện có sai phạm nào của Hội đồng quản trị, Ban điều hành làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty và của Cổ đông.

Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

1. Tiếp tục rà soát sửa đổi hoàn thiện các quy chế, quy định để phù hợp với hoạt động của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.
2. Nghiên cứu cải tiến công nghệ hạ giá thành sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
3. Có giải pháp tích cực, nhằm thu hồi các khoản công nợ phải thu khó đòi để đảm bảo việc sử dụng vốn có hiệu quả. Tăng cường quản lý chặt chẽ công tác theo dõi và quản lý công nợ phải thu khách hàng.
4. Triển khai hiệu quả, tổ chức lựa chọn nhà thầu xây lắp, nhà thầu cung cấp thiết bị cho dự án: “Đầu tư mở rộng sản xuất lắp xe máy không sấm tại Xí nghiệp luyện cao su Xuân Hòa”.
5. Tiếp tục thực hiện các công việc liên quan đến việc thoái vốn tại Công ty cổ phần Phillip Carbon Black; Nhanh chóng tìm nhà đầu tư mới để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp Châu Sơn, Phú Lý.

Kế hoạch, nhiệm vụ của BKS năm 2023

Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty trong việc quản trị, điều hành;

Định kỳ kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu khác của Công ty. Kiểm tra, kiểm soát theo chuyên đề;

Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính;

Kiểm tra việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Thực hiện công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của BKS quy định tại Điều lệ công ty, theo yêu cầu của HĐQT và Ban Điều hành.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đối tượng	Số người	Số tiền thù lao (đồng/tháng)	Số tháng hưởng thù lao	Thành tiền	
Thù lao của HĐQT và BKS				344.000.000	
Chủ tịch HĐQT	01	5.000.000	12	60.000.000	
Thành viên HĐQT	04	4.000.000	12	192.000.000	
Trưởng BKS	01	4.000.000	8	32.000.000	
Thành viên BKS	02	2.500.000	12	60.000.000	
Tên				Chức vụ	Thu nhập
Thu nhập Ban Tổng giám đốc				1.678.202.400	
Nguyễn Việt Hùng		Tổng giám đốc		627.731.200	
Nguyễn Thanh Tùng		Phó Tổng giám đốc		531.131.200	
Nguyễn Quang Hòa		Phó Tổng giám đốc		519.340.000	
Thu nhập Ban Kiểm Soát				639.816.558	
Trần Minh Tuấn		Trưởng Ban kiểm soát miễn nhiệm ngày 25/04/2022		207.500.000	
Nguyễn Trung Hòa		Trưởng Ban kiểm soát		174.367.882	
Hoàng Văn Hòa		Thành viên Ban kiểm soát		257.948.676	
Cộng				2.662.018.958	

Thù lao của Thư ký Công ty như sau

Đối tượng	Số người	Số tiền thù lao (đồng/tháng)	Số tháng hưởng thù lao	Thành tiền
Tổ trưởng	01	3.000.000	12	36.000.000
Thành viên	01	2.500.000	6	15.000.000
Cộng				51.000.000

Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và NLQ của Người nội bộ : không

Giao dịch, hợp đồng với Người nội bộ, người có liên quan:

Số TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT ... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Cty CP Tập đoàn Hoàn Sơn	Tổ chức có liên quan đến CT HĐQT	ĐKKD số 3000244065 đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 11/05/2022 do sở KHĐT Hà Tĩnh cấp	TDP.Thuận Minh, P.Đức Thuận, TX.Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	năm 2022	Nghị quyết số: 08/NQ- HĐQT ngày 15/1/2020; Nghị quyết số: 131/NQ- HĐQT ngày 01/11/2022	Bán hàng: 26,6 tỷ VNĐ	
2	Cty CP Tập đoàn Hoàn Sơn	Tổ chức có liên quan đến CT HĐQT	ĐKKD số 3000244065 đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 11/05/2022 do sở KHĐT Hà Tĩnh cấp	TDP.Thuận Minh, P.Đức Thuận, TX.Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	năm 2022	Nghị quyết số: 08/NQ- HĐQT ngày 15/1/2020	Vay vốn: 02 tỷ VNĐ	



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tuân thủ quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về Công bố thông tin
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Xây dựng điều lệ, Quy chế quản trị bám sát theo Luật Doanh Nghiệp

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh

Tăng cường hiệu quả quản trị công ty

Công ty đã và đang chủ động nghiên cứu, tìm hiểu để tiến hành sửa đổi điều lệ, quy chế quản trị theo các quy định mới. Tạo điều kiện để các cán bộ, nhân viên tham gia những chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản trị.

CHƯƠNG

006

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững

Các chỉ tiêu phát triển bền vững



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Cùng với đưa doanh nghiệp đi lên, khẳng định vị thế trên thị trường thì các vấn đề an sinh xã hội, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần cho tập thể cán bộ công nhân viên công ty và hoàn thành các trách nhiệm khác với môi trường, xã hội luôn là mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo. Nhận thức được sự ảnh hưởng to lớn của quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty đến môi trường, để bảo đảm các mục tiêu phát triển bền vững của Đảng và Nhà nước, Cao su Sao Vàng đã có những chính sách, hành động cụ thể để hoàn thành mục tiêu này như các chính sách bảo vệ môi trường, tái sử dụng các nguyên vật liệu đầu vào vừa tiết kiệm chi phí vừa bảo vệ môi trường.



CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty bao gồm: cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải màn, than đen, thép tanh, hóa chất các loại, chất độn, chiếm khoảng 70 - 75% giá thành sản phẩm. Nhận thức được mức độ ảnh hưởng lớn đến môi trường từ các nguyên liệu nêu trên, Cao su Sao Vàng luôn có ý thức tận dụng và sử dụng vật tư, nguyên vật liệu, năng lượng ngày càng tiết kiệm và hợp lý. Công ty đã thực hiện tốt việc kiểm soát nguồn nguyên liệu sử dụng năm 2022, theo dõi chặt chẽ hơn hoạt động thiết kế, định mức nguyên vật liệu nhằm giảm thiểu khối lượng sử dụng các loại nguyên liệu. Ngoài ra, cao su, vải màn phế, lớp phế... cũng được Công ty tái sử dụng bằng cách xử lý cắt, nghiền để làm nguyên liệu sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật tại bộ phận cao su kỹ thuật - XNCS3.

STT	Loại Nguyên vật liệu	"Tổng khối lượng sử dụng (ĐVT: Tấn/năm)"	"Khối lượng sử dụng được tái chế (ĐVT: Tấn/năm)"	"Tỷ lệ Khối lượng được tái chế/ Tổng khối lượng sử dụng(%)"
1	"Cao su thiên nhiên, tổng hợp, tái sinh"	6.261,39	6.261,39	100,00
2	Hóa chất	6.387,1	6.387,1	100,00
3	Vải màn	578,83	578,83	100,00
4	Dây thép tanh	570,56	0	0,00
5	Van, chiếc	10.168.590	0	0,00
6	Cao su butyl 06S	2.992,81	2992,810	100,00

Tiêu thụ nước và năng lượng

Trong năm 2022, Công ty đã xây dựng quy trình xử lý nước thải hợp lý.

- Nước thải sinh hoạt do cán bộ công nhân viên sử dụng hàng ngày thải ra và được xử lý bằng phương pháp vi sinh yếm khí.
- Nước thải công nghiệp: Công ty sử dụng nước để làm mát máy móc thiết bị, không tham gia vào công nghệ sản xuất. Toàn bộ nước làm mát được bơm tuần hoàn để tái sử dụng không thải ra môi trường (sử dụng hệ thống tuần hoàn khép kín nên hầu như không có nước thải công nghiệp ra ngoài môi trường).
- Nước thải sinh hoạt từ bếp ăn tập thể và các bể phốt được dẫn vào hệ thống thoát nước thải của cụm công nghiệp qua điểm đấu nối tại hố ga đã được đăng ký.



Công ty đã kiểm tra, the dõi và đo lường mức tiêu hao năng lượng của các thiết bị, tiến hành duy tu, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị mới tiết kiệm điện. Luôn có nhân sự thương xuyên theo dõi quá trình hoạt động, phối hợp nhịp nhàng để đảm bảo máy móc để đảm bảo hoạt động đúng công suất. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức người lao động về sử dụng hợp lý và tiết kiệm điện.

Về công tác xử lý khí thải. Đối với lò hơi đốt trấu tại Hà Nội và Thái Bình thì có hệ thống xử lý khí thải theo thiết kế của lò để đảm bảo chất lượng khí thải ra môi trường. Đối với cửa thoát khí tại Xuân Hòa và Thái Bình có hệ thống lọc bụi bằng túi vải trước khi thải ra môi trường. Khí thải lò hơi và các cửa thoát khí trong các đợt quan trắc đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép theo quy định trước khi thải ra môi trường.

TT	Nước		Điện		Hơi nóng	
	Lượng sử dụng năm báo cáo (m3/năm)	Lượng sử dụng gần nhất (m3/năm)	Lượng sử dụng năm báo cáo (kW/ năm)	Lượng sử dụng gần nhất (kW/năm)	Lượng sử dụng năm báo cáo (tấn /năm)	Lượng sử dụng gần nhất (tấn /năm)
Hà Nội	131.500	113.809	7.600.500	8.314.865	43.400	49.472
Xuân Hòa	7.790	8.673	4.411.344	5.073.551	0	0
Thái Bình	57.911		4.913.296	5.236.067	19.327	20.468

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường các đoàn kiểm tra môi trường thường xuyên đến kiểm tra và kết luận công ty đã tuân thủ về bảo vệ môi trường

Chính sách liên quan đến người lao động

Bí quyết tạo nên sự phát triển của SRC chính là đội ngũ cán bộ công nhân viên (CBCNV) tâm huyết, lành nghề. Chính vì vậy bên cạnh việc đầu tư đổi mới công nghệ, Công ty luôn quan tâm thực hiện các chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước, chú trọng cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

Tổng số lao động của SRC đến thời điểm 31/12/2022 là 800 người với thu nhập bình quân năm 2022 của cán bộ công nhân viên là: 10,8 triệu đồng/người/tháng, tăng 1% so với năm 2021.

Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Công ty. Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước.

Người lao động được trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân đau ốm, có việc hiếu, hỷ; được tặng quà hiện vật vào các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm; được khám sức khỏe định kỳ hàng năm....

Công ty có kế hoạch đào tạo hàng năm cho CBCNV cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc, qua đó CBCNV được thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn ý thức được để phát triển bền vững, cần nâng cao trách nhiệm, đóng góp của mình với cộng đồng địa phương. Điều đó thể hiện thông qua việc phối hợp với các cơ quan địa phương để phòng chống dịch bệnh, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường, kinh doanh, đảm bảo cuộc sống cho người lao động. Công ty luôn hành động để hướng tới mục tiêu cống hiến cho xã hội, ngày càng hoàn thiện hơn và hướng tới phát triển bền vững của xã hội và công ty.

Các sáng kiến, cải tiến về tiết kiệm năng lượng

SRC đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động sáng tạo, đưa ra sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng vào sản xuất, giúp tăng năng suất, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, tăng hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận, góp phần bảo vệ môi trường. Tất cả các hoạt động đều hướng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích cộng đồng.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hoàng Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Sơn	Thành viên
Ông Lương Xuân Hoàng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Xuân Ánh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2023-001-1



Nguyễn Thu Trang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5360-2020-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2023
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		530.074.887.666	507.041.219.921
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	36.390.500.867	46.820.437.615
1. Tiền	111		32.390.500.867	23.320.437.615
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	23.500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.478.918.723	168.025.715.148
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	115.716.372.291	93.798.872.173
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	47.538.386.685	70.639.249.016
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.449.018.432	11.678.757.946
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(7.224.858.685)	(8.091.163.987)
III. Hàng tồn kho	140	9	323.110.741.069	287.289.471.142
1. Hàng tồn kho	141		327.268.113.686	293.881.410.211
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.157.372.617)	(6.591.939.069)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.094.727.007	4.905.596.016
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	999.011.260	776.499.590
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.463.730.190	3.925.204.830
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.631.985.557	203.891.596
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		714.951.151.409	728.330.266.191
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.262.992.134	6.017.992.134
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	6.262.992.134	6.017.992.134
II. Tài sản cố định	220		45.038.818.071	54.461.634.741
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	30.451.984.317	41.884.332.808
- Nguyên giá	222		663.854.526.820	668.369.415.071
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(633.402.542.503)	(626.485.082.263)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	11.166.048.032	9.145.049.311
- Nguyên giá	225		13.917.054.787	15.800.923.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.751.006.755)	(6.655.873.795)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	3.420.785.722	3.432.252.622
- Nguyên giá	228		3.615.723.022	3.615.723.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(194.937.300)	(183.470.400)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.160.561.210	4.358.136.847
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	4.160.561.210	4.358.136.847
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	510.420.126.316	509.773.060.592
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		505.000.000.000	505.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.444.062.358	8.444.062.358
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.023.936.042)	(3.671.001.766)
V. Tài sản dài hạn khác	260		149.068.653.678	153.719.441.877
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	149.068.653.678	153.719.441.877
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.245.026.039.075	1.235.371.486.112

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		805.693.331.661	802.778.532.457
I. Nợ ngắn hạn	310		520.676.985.270	514.726.997.327
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	98.622.214.304	69.917.694.266
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	100.409.316.714	116.636.961.698
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	2.187.131.955	1.989.146.294
4. Phải trả người lao động	314		26.037.482.424	19.365.408.931
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.166.071.414	1.172.138.882
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	2.818.182
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	62.688.415.067	22.179.174.661
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	221.763.099.932	278.023.391.935
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	785.552.483	768.770.691
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.017.700.977	4.671.491.787
II. Nợ dài hạn	330		285.016.346.391	288.051.535.130
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	143.500.000.000	143.500.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	135.281.891.268	138.184.580.007
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		6.234.455.123	6.366.955.123
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		439.332.707.414	432.592.953.655
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	439.332.707.414	432.592.953.655
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.657.650.000	280.657.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.657.650.000	280.657.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.605	3.605
3. Cổ phiếu quỹ	415		(23.970.000)	(23.970.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		99.692.125.955	87.678.683.394
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.006.897.854	64.280.586.656
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		31.265.642.441	24.235.778.118
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		27.741.255.413	40.044.808.538
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.245.026.039.075	1.235.371.486.112



Lê Lan Phương
Người lập biểu



Trần Minh Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	959.540.734.240	994.860.378.662
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	44.259.913.128	39.145.501.524
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	915.280.821.112	955.714.877.138
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	752.968.519.855	780.030.308.138
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		162.312.301.257	175.684.569.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	1.574.424.431	12.494.408.852
7. Chi phí tài chính	22	31	16.797.566.238	14.804.859.084
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.430.033.634	10.923.179.217
8. Chi phí bán hàng	25	32	45.311.326.176	45.589.692.508
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	67.424.325.941	75.216.023.903
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		34.353.507.333	52.568.402.357
11. Thu nhập khác	31		4.267.672.675	99.982.534
12. Chi phí khác	32		428.596.548	267.064.034
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		3.839.076.127	(167.081.500)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		38.192.583.460	52.401.320.857
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	10.451.328.047	12.356.512.319
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		27.741.255.413	40.044.808.538
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	989	1.279


Lê Lan Phương
Người lập biểu


Trần Minh Tuấn
Kế toán trưởng




Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	38.192.583.460	52.401.320.857
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	14.142.918.075	20.663.817.540
Các khoản dự phòng	03	(3.931.155.686)	4.007.567.931
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	109.495.210	83.900.412
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.903.495.956)	(7.294.185.455)
Chi phí lãi vay	06	13.430.033.634	10.923.179.217
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	59.040.378.737	80.785.600.502
Giảm các khoản phải thu	09	5.454.172.036	525.235.065.072
Tăng hàng tồn kho	10	(33.386.703.475)	(100.237.063.034)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	64.351.309.214	(317.773.112.157)
Giảm chi phí trả trước	12	4.428.276.529	3.854.400.650
Tiền lãi vay đã trả	14	(13.301.859.634)	(10.939.229.217)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.892.012.089)	(13.551.732.732)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.749.771.664)	(4.333.711.461)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	69.943.789.654	163.040.217.623
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.651.599.515)	(4.449.560.088)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.182.075.093	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	(1.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	85.307.908.999
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(375.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	712.686.724	7.930.856.691
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.756.837.698)	(287.910.794.398)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	555.859.698.693	588.429.640.599
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(612.983.659.397)	(457.432.343.485)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.668.171.440)	(2.566.563.387)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.783.986.690)	(27.975.683.510)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(76.576.118.834)	100.455.050.217
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(10.389.166.878)	(24.415.526.558)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	46.820.437.615	71.274.868.487
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(40.769.870)	(38.904.314)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	36.390.500.867	46.820.437.615


Lê Lan Phương
Người lập biểu


Trần Minh Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011568 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 05 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 231 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các cơ sở sản xuất như sau:

Nhà máy luyện cao su Xuân Hòa

Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Xuân Hòa,
Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao vàng tại Thái Bình

Số 5 Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, Thành phố
Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 800 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 844 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất sản phẩm công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Chế tạo, lắp đặt và mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su;
- Mua bán, sửa chữa ô tô xe máy và các phụ tùng thay thế;
- Mua bán kính mắt thời trang, thiết bị quang học;
- Mua bán hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, đồ cá nhân và gia đình;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình	Thái Bình	Kinh doanh sản phẩm cao su
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	Kinh doanh sản phẩm cao su
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm cao su

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 03 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị tài sản thuần của bên nhận góp vốn tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	04 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	05 - 06

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất của các lô đất tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng của Công ty với mục đích làm trụ sở văn phòng. Quyền sử dụng đất tại Thành phố Hồ Chí Minh được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 42 năm. Quyền sử dụng đất không thời hạn tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Đà Nẵng không được trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam; chi phí bảo hiểm cháy nổ bắt buộc; giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam là khoản trả trước tiền thuê 212.538 m² đất tại Lô E, Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam của Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam theo Hợp đồng thuê đất số 17/HĐTD-HVPID ngày 18 tháng 7 năm 2016, thời hạn thuê đất là 40 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Chi phí thuê đất được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hạch toán để đảm bảo khi các khoản chi phải trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh ở các kỳ tiếp theo. Việc ghi nhận chi phí phải trả phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	927.241.763	555.135.276
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.463.259.104	22.765.302.339
Các khoản tương đương tiền (i)	4.000.000.000	23.500.000.000
	36.390.500.867	46.820.437.615

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,15% đến 5,65%/năm (năm 2021: 3%/năm đến 3,5%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Ô tô TMT - Chi nhánh tại Hưng Yên	18.969.261.325	4.717.518.810
Công ty TNHH Sao Mai Anh	22.510.544.069	19.140.670.982
Công ty TNHH Thương mại XNK Trường Phát	13.627.537.788	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Loan Tuyết	8.426.292.138	8.533.629.662
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn	1.096.296.680	1.096.296.680
Các khách hàng khác	51.086.440.291	60.310.756.039
	115.716.372.291	93.798.872.173

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	307.901.130	541.763.830

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam (i)	40.028.428.113	70.029.883.765
Khác	7.509.958.572	609.365.251
	47.538.386.685	70.639.249.016

(i) Bao gồm khoản Công ty tạm ứng cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam để mua thép và vật liệu xây dựng theo hợp đồng tạm ứng mua hàng số 01/2022/SRC-XNKVN ngày 01 tháng 05 năm 2022 với số tiền là 40.003.178.848 VND.

ĐA / LỢI / ĐEM / TN / ON / III

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Số dư phải thu	Giá gốc khoản nợ xấu	Giá trị nợ xấu có thể thu hồi	Số dư phải thu
Công ty Cổ phần Ô tô TMT - chi nhánh Hưng Yên	18.969.261.325	91.805.021	-	4.717.518.810
Công ty Cổ phần Phillips Carbon Black Việt Nam	2.966.978.675	2.966.978.675	-	2.966.978.675
Nguyễn Thị Hương	2.208.428.046	2.208.428.046	-	2.208.428.046
Công ty Cổ phần Ô tô An Thái - CONECO - Thái Bình	492.000.000	492.000.000	-	686.000.000
Nguyễn Văn Lợi	400.374.028	400.374.028	-	420.374.028
Chi nhánh Sông Đà 802 - Công ty Cổ phần Sông Đà	295.710.052	295.710.052	-	295.710.052
Công ty TNHH Phú Cường	282.014.700	282.014.700	-	282.014.700
Đối tượng khác	1.219.195.407	664.907.051	177.358.888	2.178.163.354
	26.833.962.233	7.402.217.573	177.358.888	13.755.187.665
				9.886.778.253
				1.795.614.266

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá gốc trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

ĐA / LỢI / ĐEM / TN / ON / III

B. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kỳ quỹ ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.937.700.717	6.114.598.756
Phải thu về khoản góp vốn tại Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam (i)	2.966.978.675	2.966.978.675
Phải thu người lao động	487.796.454	482.509.869
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	166.676.603	157.942.464
Tạm ứng	-	24.808.000
Phải thu khác	889.865.983	1.931.920.182
	6.449.018.432	11.678.757.946
b. Dài hạn		
Kỳ quỹ dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	5.245.000.000	5.000.000.000
Các khoản kỳ cược, kỳ quỹ dài hạn khác	1.017.992.134	1.017.992.134
	6.262.992.134	6.017.992.134

- (i) Phải thu về khoản góp vốn tại Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam phản ánh số tiền Công ty tạm ứng vốn cho Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam theo kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam. Tuy nhiên, do hoạt động của Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam không mang lại hiệu quả, kế hoạch tăng vốn điều lệ đã không được thực hiện. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục giải thể doanh nghiệp và trả lại tiền vốn góp cho các cổ đông.
- (ii) Khoản kỳ quỹ dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng này. Khoản kỳ quỹ nhằm mục đích phát hành các thư tín dụng để thanh toán các hợp đồng nhập khẩu và đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng này.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	1.477.263.331	-	8.193.396.448	-
Nguyên liệu, vật liệu	133.685.707.863	-	117.957.607.141	-
Công cụ, dụng cụ	3.956.331.405	-	3.834.686.636	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.131.853.765	-	9.558.682.093	-
Thành phẩm	176.047.416.090	(4.148.499.484)	153.477.861.172	(6.525.068.589)
Hàng hoá	274.591.785	-	18.000.400	-
Hàng gửi bán	1.694.949.447	(8.873.133)	841.176.321	(66.870.480)
	327.268.113.686	(4.157.372.617)	293.881.410.211	(6.591.939.069)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 4.157.372.617 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 6.591.939.069 VND).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm cháy nổ bắt buộc	271.527.309	293.957.060
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	727.483.951	482.542.580
	999.011.260	776.499.590
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam (i)	145.405.596.570	149.740.656.570
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.663.057.108	3.873.785.307
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	105.000.000
	149.068.653.678	153.719.441.877

- (i) Công ty ký kết Hợp đồng thuê đất số 17/HĐTD-HVPID ngày 18 tháng 7 năm 2016 với Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam để thuê lại 212.538 m² đất tại Lô E, Khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Thời gian thuê là 40 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Mục đích thuê để thực hiện Dự án di dời và sản xuất lốp radial tại Khu công nghiệp Châu Sơn - tỉnh Hà Nam. Theo Nghị quyết số 114/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 15 tháng 6 năm 2020, Công ty đã dừng việc triển khai thực hiện Dự án này. Theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 10 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã hợp và thống nhất chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng cho các nhà đầu tư có nhu cầu trên cơ sở thẩm định giá, bảo toàn vốn đầu tư.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	112.636.883.385	511.801.861.923	1.015.211.796	42.915.457.967	668.369.415.071
Mua sắm mới	-	908.181.818	-	-	908.181.818
Tặng khác	-	5.695.787.906	-	-	5.695.787.906
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.224.995.169)	(228.763.889)	(665.098.917)	(11.118.857.975)
Phân loại lại	-	219.577.750	-	(219.577.750)	-
Số dư cuối kỳ	112.636.883.385	508.400.414.228	786.447.907	42.030.781.300	663.854.526.820
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	95.117.041.881	491.212.199.834	1.015.211.796	39.140.628.752	626.485.092.263
Khấu hao trong năm	2.010.494.881	8.920.187.382	-	1.409.848.046	12.340.530.309
Tặng khác	-	5.695.787.906	-	-	5.695.787.906
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.224.995.169)	(228.763.889)	(665.098.917)	(11.118.857.975)
Số dư cuối năm	97.127.536.762	495.603.179.953	786.447.907	39.885.377.881	633.402.542.503
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	17.519.841.504	20.589.662.089	-	3.774.829.215	41.884.332.808
Tại ngày cuối năm	15.509.346.623	12.797.234.275	-	2.145.403.419	30.451.984.317

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 568.744.982.227 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 553.746.283.108 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 7.235.554.446 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 12.849.489.639 VND) để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đồng Đa, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Phúc Yên và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội.

21

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	15.800.923.106
Thuê tài chính trong năm	3.901.919.587
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(5.695.787.906)
Giảm khác	(90.000.000)
Số dư cuối năm	13.917.054.787
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	6.655.873.795
Khấu hao trong năm	1.790.920.866
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(5.695.787.906)
Số dư cuối năm	2.751.006.755
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	9.145.049.311
Tại ngày cuối năm	11.166.048.032

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	3.615.723.022
Số dư cuối năm	3.615.723.022
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	183.470.400
Khấu hao trong năm	11.466.900
Số dư cuối năm	194.937.300
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	3.432.252.622
Tại ngày cuối năm	3.420.785.722

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp lô đất tại xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.042.161.718 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.042.161.718 VND) để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đồng Đa.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Mua sắm máy móc, thiết bị	2.740.511.715	3.656.700.482
Xây dựng nhà kho và mở rộng nhà máy sản xuất tại Xuân Hòa	1.420.049.495	701.436.365
	4.160.561.210	4.358.136.847

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	505.000.000.000	(696.179.936)	505.000.000.000	(905.693.512)
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn (i)	130.000.000.000	(685.119.403)	130.000.000.000	(905.693.512)
Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoàng Sơn (ii)	375.000.000.000	(11.060.533)	375.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.444.062.358	(2.327.756.106)	8.444.062.358	(2.765.308.254)
Công ty Cổ phần Phillips Carbon Black Việt Nam (iii)	8.444.062.358	(2.327.756.106)	8.444.062.358	(2.765.308.254)
	513.444.062.358	(3.023.936.042)	513.444.062.358	(3.671.001.766)

(i) Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn - công ty đang hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản tại Hà Nội là 26%. Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC - HS ngày 15 tháng 6 năm 2016 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn - bên liên quan của Công ty. Theo điều khoản chính của hợp đồng, các bên tham gia góp vốn sẽ thành lập Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn để thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoàng Sơn" tại số 231 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, vốn điều lệ của Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn là 500 tỷ VND, trong đó Công ty góp 26% vốn điều lệ tương đương với 130 tỷ VND. Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 96/BB-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2018, Công ty đang xây dựng lộ trình, kế hoạch thoái phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn trên cơ sở theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư.

(ii) Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty tại Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoàng Sơn - công ty đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sẫm, lốp cao su tại Hà Tĩnh là 50%. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoàng Sơn là 750 tỷ VND, trong đó Công ty góp 50% vốn điều lệ tương đương với 375 tỷ VND.

(iii) Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty tại Công ty Cổ phần Phillips Carbon Black Việt Nam - công ty đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất than cốc tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là 7%.

Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác được trích lập dựa trên báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết trong năm như sau:

	Kết quả hoạt động kinh doanh năm nay		Kết quả hoạt động kinh doanh năm trước	
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn		Lỗ		Lỗ
Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoàng Sơn		Lỗ		Lỗ

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội	21.678.383.534	21.678.383.534	6.256.384.924	6.256.384.924
Công ty TNHH Chế biến Cao su Đà Nẵng	17.415.885.000	17.415.885.000	13.909.935.000	13.909.935.000
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	14.700.000.000	14.700.000.000	6.788.250.000	6.788.250.000
Công ty TNHH Kim Trường Phúc	10.427.084.632	10.427.084.632	7.961.642.280	7.961.642.280
Các đối tượng khác	34.400.861.138	34.400.861.138	35.001.482.062	35.001.482.062
	98.622.214.304	98.622.214.304	69.917.694.266	69.917.694.266
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	335.972.727	335.972.727	-	-
	335.972.727	335.972.727	-	-

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	75.919.187.599	86.112.786.092
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam	14.125.966.834	21.020.330.486
Kenman Ventures Company Limited	-	1.692.466.987
Agile Sources Company Limited	1.440.505.624	1.672.065.279
Eco Asia Pte Company Limited	238.656.732	1.203.237.251
Các đối tượng khác	8.684.999.925	4.936.075.603
	100.409.316.714	116.636.961.698
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	75.919.187.599	86.112.786.092

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	273.371.387.998	273.371.387.998	555.798.944.403	611.699.090.441	217.471.241.960	217.471.241.960
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (i)	67.820.830.186	67.820.830.186	186.363.956.890	157.791.356.692	96.393.430.384	96.393.430.384
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (ii)	41.454.175.560	41.454.175.560	75.369.550.508	66.908.045.504	49.915.680.564	49.915.680.564
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (iii)	164.096.382.252	164.096.382.252	294.065.437.005	386.999.688.245	71.162.131.012	71.162.131.012
Vay cá nhân (iv)	743.645.993	743.645.993	60.754.290	3.037.714	801.362.569	801.362.569
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
Vay ngắn hạn dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	1.481.456.880	1.481.456.880	864.183.247	1.481.456.892	864.183.235	864.183.235
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	1.481.456.880	1.481.456.880	864.183.247	1.481.456.892	864.183.235	864.183.235
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	2.426.901.064	2.426.901.064	2.867.582.544	2.668.171.440	2.626.312.168	2.626.312.168
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	111.805.120	111.805.120	47.062.872	100.363.632	58.504.360	58.504.360
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST	2.315.095.944	2.315.095.944	2.820.519.672	2.567.807.808	2.567.807.808	2.567.807.808
	278.023.391.935	278.023.391.935	559.591.464.484	615.851.756.487	221.763.099.932	221.763.099.932

(i) Phản ánh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 03/2022/HĐCVHM/NHCT126-CSSV ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Đống Đa ngày 17 tháng 01 năm 2022 có tổng giá trị khoản vay tối đa 150.000.000.000 VND, với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su. Lãi suất cho vay được xác định trên từng Giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay được xác định theo từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay ngắn hạn này cùng với khoản vay dài hạn tại cùng ngân hàng được trình bày ở Thuyết minh số 22 được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty bao gồm các máy móc, thiết bị với giá trị

27

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 7.235.654.446 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 12.849.489.639 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 11, và giá trị quyền sử dụng đất tại xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.042.161.718 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.042.161.718 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 13.

(ii) Phản ánh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 02/2022/HĐCVHM/NHCT260-SRC ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Phúc Yên ngày 04 tháng 03 năm 2022 có tổng giá trị khoản vay tối đa 50.000.000.000 VND, với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh sẫm, lớp và các sản phẩm từ cao su. Lãi suất cho vay được xác định trên từng Giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay được xác định theo từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty bao gồm các máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 0 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 11.

(iii) Phản ánh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/135074/HĐTD ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội ngày 15 tháng 11 năm 2021 và các phụ lục kèm theo có tổng giá trị khoản vay tối đa 385.000.000 VND, với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Lãi suất và thời hạn cho vay được xác định trên từng Giấy nhận nợ với khoảng lãi suất từ 4,5%/năm đến 7,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 404.636.961 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 404.636.961 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 13.

(iv) Phản ánh khoản tiền vay các cá nhân là nhân viên của Công ty với thời gian vay dưới 12 tháng và lãi suất vay là 5%/năm.

28

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm VND	Trong năm VND	Số cuối năm VND
	Giá trị	Tăng	Giảm
			Giá trị
			Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng dài hạn			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (i)	2.345.640.127	- 1.481.456.892	864.183.235
Nợ tài chính dài hạn	2.345.640.127	- 1.481.456.892	864.183.235
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	9.747.297.824	829.077.052	7.908.203.436
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	158.867.992	100.363.632	58.504.360
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST (iii)	9.588.429.832	829.077.052	7.849.699.076
Vay dài hạn khác	130.000.000.000	-	130.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn (iv)	130.000.000.000	-	130.000.000.000
	142.092.937.951	4.149.628.332	138.772.386.671
Trong đó:			
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3.908.357.944		3.490.495.403
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	1.481.456.880		864.183.235
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	1.481.456.880		864.183.235
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	2.426.901.064		2.626.312.168
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	111.805.120		58.504.360
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST (iii)	2.315.095.944		2.567.807.808
Số phải trả sau 12 tháng	138.184.580.007		135.281.891.268
Vay dài hạn	130.864.183.247		130.000.000.000
Nợ dài hạn	7.320.396.760		5.281.891.268

(i) Phản ánh khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng tín dụng số 09/2018/HĐVCDADT/NHCT126-SRC ngày 01 tháng 8 năm 2018 có tổng giá trị khoản vay tối đa 40.544.000.000 VND, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Mục đích khoản vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ của Dự án "Đầu tư máy móc, thiết bị lẻ năm 2017-2018". Thời hạn giải ngân trong vòng 12 tháng. Lãi suất cho vay được xác định theo từng Giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo văn bản thông báo thay đổi lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay dài hạn này cùng với khoản vay ngắn hạn tại cùng ngân hàng được trình bày ở Thuyết minh số 21 được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty bao gồm các máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 7.235.654.446 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 12.849.489.639 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 11, và giá trị quyền sử dụng đất tại xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.042.163.718 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.042.163.718 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 13.

29

|| DA | TÀI | CHÍNH | M T N | 2022 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

- (ii) Phản ánh số dư các hợp đồng thuê tài chính giữa Công ty và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với mục đích sử dụng tài sản thuê tài chính để phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn của các hợp đồng cho thuê tài chính là 48 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho thuê tài chính được quy định trong từng hợp đồng thuê.
- (iii) Phản ánh số dư các hợp đồng thuê tài chính giữa Công ty và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST với mục đích sử dụng tài sản thuê tài chính để phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn của các hợp đồng cho thuê tài chính là 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho thuê tài chính cố định 8%/năm trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhận nợ thuê và sau đó, lãi suất thuê là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố công với biên độ và được điều chỉnh 3 tháng một lần.
- (iv) Phản ánh khoản vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn - bên liên quan của Công ty để góp vốn điều lệ vào Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn. Thời hạn vay được điều chỉnh theo lộ trình thoái vốn của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn. Lãi suất vay là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	864.183.235	1.481.456.880
Trong năm thứ hai	-	1.481.456.880
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	130.000.000.000	129.382.726.367
	130.864.183.235	132.345.640.127
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(864.183.235)	(1.481.456.880)
Số phải trả sau 12 tháng	130.000.000.000	130.864.183.247

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	2.626.312.168	2.426.901.064
Trong năm thứ hai	2.567.807.808	1.953.598.051
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.714.083.460	5.366.798.709
	7.908.203.436	9.747.297.824
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(2.626.312.168)	(2.426.901.064)
Số phải trả sau 12 tháng	5.281.891.268	7.320.396.760

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Phản ánh dự phòng trích lập để bảo hành sản phẩm cho các lô hàng Công ty đã bán đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Dự phòng bảo hành sản phẩm là ước tính chính xác nhất của Ban Tổng Giám đốc về khoản nợ phải trả áp dụng đối với các sản phẩm từ cao su trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty về xác suất các sản phẩm lỗi.

|| DA | TÀI | CHÍNH | M T N | 2022 |

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021							
Số dư đầu năm trước	280.657.650.000	3.605	65.623.931.879	(23.970.000)	81.943.981.471	428.201.596.955	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	40.044.808.538	40.044.808.538	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	22.054.751.515	-	(22.054.751.515)	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.351.583.838)	(7.351.583.838)	
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(238.500.000)	(238.500.000)	
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(28.063.368.000)	(28.063.368.000)	
Số dư cuối năm trước	280.657.650.000	3.605	87.678.683.394	(23.970.000)	64.280.586.656	432.592.953.655	
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022							
Số dư đầu năm nay	280.657.650.000	3.605	87.678.683.394	(23.970.000)	64.280.586.656	432.592.953.655	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	27.741.255.413	27.741.255.413	
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	12.013.442.561	-	(12.013.442.561)	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(4.004.480.854)	(4.004.480.854)	
Trích quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành (i)	-	-	-	-	(159.000.000)	(159.000.000)	
Chi trả cổ tức (i)	-	-	-	-	(16.838.020.800)	(16.838.020.800)	
Số dư cuối năm nay	280.657.650.000	3.605	99.692.125.955	(23.970.000)	59.006.897.854	439.332.707.414	

31



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(i) Nghị quyết số 64/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 25 tháng 04 năm 2022 phê chuẩn kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2021 của Công ty như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền (6% vốn điều lệ): 16.838.020.800 VND
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế năm 2021): 4.004.480.854 VND
- Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành: 159.000.000 VND
- Quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế năm 2021): 12.013.442.561 VND

Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện chi trả toàn bộ số cổ tức theo Nghị quyết số 64/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông nói trên cho các cổ đông.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 280.657.650.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	36,0%	101.041.150.000	36,0%	101.041.150.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	24,5%	68.861.500.000	24,5%	68.861.500.000
Ông Nguyễn Tiến Ngọc	4,9%	13.854.300.000	4,9%	13.854.300.000
Các cổ đông khác	34,5%	96.876.730.000	34,5%	96.876.730.000
Cổ phiếu quỹ	0,0%	23.970.000	0,0%	23.970.000
100%		280.657.650.000	100%	280.657.650.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.065.765	28.065.765
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.065.765	28.065.765
+ Cổ phiếu phổ thông	28.065.765	28.065.765
- Số lượng cổ phiếu quỹ	2.397	2.397
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.063.368	28.063.368
+ Cổ phiếu phổ thông	28.063.368	28.063.368

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm, dịch vụ như sau:

- Bộ phận sản xuất
- Bộ phận thương mại
- Bộ phận khác



Các thông tin về bộ phận kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Khác VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	419.339.183.994	59.340.082.581	461.374.785	479.140.641.360
Tài sản không phân bổ				765.885.397.715
Tổng Tài sản				1.245.026.039.075
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	108.756.358.456	90.045.154.433	13.086.559	198.814.599.448
Nợ phải trả không phân bổ				606.878.732.213
Tổng Nợ phải trả				805.693.331.661

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay:

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Khác VND	Tổng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	874.737.335.396	12.388.670.716	28.154.815.000	915.280.821.112
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	739.268.838.591	11.473.931.312	2.225.749.952	752.968.519.855
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				162.312.301.257
Doanh thu hoạt động tài chính				1.574.424.831
Chi phí tài chính				16.797.566.238
Chi phí bán hàng				45.311.326.176
Chi phí quản lý doanh nghiệp				67.424.325.941
Lợi nhuận khác				3.839.076.127
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				38.192.583.460
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				10.451.328.047
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				27.741.255.413

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Khác VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	373.631.793.844	1.096.296.680	971.395.208	375.699.485.732
Tài sản không phân bổ				859.672.000.380
Tổng Tài sản				1.235.371.486.112
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	165.534.325.478	21.020.330.486	-	186.554.655.964
Nợ phải trả không phân bổ				616.223.876.493
Tổng Nợ phải trả				802.778.532.457

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước:

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Khác VND	Tổng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	850.540.198.948	72.951.556.280	32.223.121.910	955.714.877.138
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	708.963.736.019	69.111.779.301	1.954.792.818	780.030.308.138
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				175.684.569.000
Doanh thu hoạt động tài chính				12.494.408.852
Chi phí tài chính				14.804.859.084
Chi phí bán hàng				45.589.692.508
Chi phí quản lý doanh nghiệp				75.216.023.903
Lợi nhuận khác				(167.081.500)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				52.401.320.857
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				12.356.512.319
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				40.044.808.538

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận thứ yếu của Công ty theo khu vực địa lý như sau:

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Xuất khẩu VND	Trong nước VND	Tổng VND
1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	155.931.406.516	759.349.414.596	915.280.821.112
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung			752.968.519.855
<i>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>			162.312.301.257
Doanh thu hoạt động tài chính			1.574.424.431
Chi phí tài chính			16.797.566.238
Chi phí bán hàng			45.311.326.176
Chi phí quản lý doanh nghiệp			67.424.325.941
Lỗ khác			3.839.076.127
<i>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</i>			38.192.583.460
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			10.451.328.047
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			27.741.255.413
2. Tài sản bộ phận			1.245.026.039.075
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ			3.693.448.716

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Xuất khẩu VND	Trong nước VND	Tổng VND
1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	186.299.652.822	769.415.224.316	955.714.877.138
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung			780.030.308.138
<i>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>			175.684.569.000
Doanh thu hoạt động tài chính			12.494.408.852
Chi phí tài chính			14.804.859.084
Chi phí bán hàng			45.589.692.508
Chi phí quản lý doanh nghiệp			75.216.023.903
Lợi nhuận khác			(167.081.500)
<i>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</i>			52.401.320.857
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			12.356.512.319
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			40.044.808.538
2. Tài sản bộ phận			1.235.371.486.112
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ			5.254.979.414

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	23.460.041.860	18.523.849.586
Trên 1 năm đến 5 năm	93.840.167.440	74.095.398.344
Trên 5 năm	625.726.345.276	506.954.167.908
	743.026.554.576	599.573.415.838

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	337.019,24	426.723,75

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	918.997.248.524	889.685.700.472
Doanh thu bán hàng hóa	12.388.670.716	72.951.556.280
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.970.029.707	30.754.293.723
Doanh thu bán vật tư	2.446.319.668	983.012.427
Doanh thu khác	2.738.465.625	485.815.760
Tổng cộng	959.540.734.240	994.860.378.662
Các khoản giảm trừ doanh thu		
a. Chiết khấu thương mại	43.503.496.642	39.111.448.138
b. Hàng bán bị trả lại	756.416.486	34.053.386
	44.259.913.128	39.145.501.524
Doanh thu thuần	915.280.821.112	955.714.877.138
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	27.028.338.753	71.597.319.874

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	741.703.405.043	704.664.778.589
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.473.931.312	69.111.779.301
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	1.090.276.537
Giá vốn của vật tư đã bán	2.225.749.952	864.516.281
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.434.566.452)	4.298.957.430
	752.968.519.855	780.030.308.138

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	622.536.436.433	626.385.008.037
Chi phí nhân công	118.123.342.153	115.202.946.206
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.142.918.075	20.663.817.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.962.083.730	39.644.272.579
Chi phí khác	84.418.695.249	89.213.082.075
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng	(3.284.089.962)	4.003.976.304
	872.899.385.678	895.113.102.741

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	721.420.863	7.294.185.455
Lãi chênh lệch tỷ giá	853.003.568	5.200.223.397
	1.574.424.431	12.494.408.852

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	13.430.033.634	10.923.179.217
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.505.015.800	2.722.628.990
Lỗ chênh lệch tỷ giá	509.582.528	1.155.459.250
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(647.065.724)	3.591.627
	16.797.566.238	14.804.859.084

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	26.766.769.522	28.009.310.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.174.126.688	1.431.387.274
Thuế, phí, lệ phí	19.714.267.997	26.758.299.044
(Hoàn nhập) dự phòng	(866.305.302)	(318.113.798)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.330.380.779	15.349.195.199
Chi phí khác	5.305.086.257	3.985.945.737
	67.424.325.941	75.216.023.903
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	5.558.513.283	6.229.538.261
Chi phí khấu hao tài sản cố định	121.205.520	293.975.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.531.774.042	30.875.136.534
Chi phí quảng cáo	1.285.687.228	1.123.968.931
Chi phí bảo hành sản phẩm	5.777.535.941	4.523.293.790
Các khoản khác	3.036.610.162	2.543.779.941
	45.311.326.176	45.589.692.508

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.591.062.745	12.356.512.319
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	860.265.302	-
	10.451.328.047	12.356.512.319
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	38.192.583.460	52.401.320.857
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	209.115.100
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản tiền, nợ phải thu	-	209.115.100
Cộng các khoản chi phí không được trừ:	9.762.730.265	9.590.355.836
- Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ của các khoản tiền, nợ phải thu	235.971.224	-
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	126.000.000	136.000.000
- Chi phí không được khấu trừ	9.400.759.041	9.454.355.836
Thu nhập chịu thuế	47.955.313.725	61.782.561.593
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.591.062.745	12.356.512.319

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	27.741.255.413	40.044.808.538
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	(4.004.480.854)
Số trích quỹ thưởng ban điều hành (VND)	-	(159.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	27.741.255.413	35.881.327.684
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	28.063.368	28.063.368
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	989	1.279

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết số 64/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

	Năm trước	
	Số báo cáo VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	40.044.808.538	40.044.808.538
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	(4.004.480.854)
Số trích quỹ thưởng ban điều hành (VND)	-	(159.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	40.044.808.538	35.881.327.684
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	28.063.368	28.063.368
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.427	1.279

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào các quỹ này cho kỳ tiếp theo. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Tiến Ngọc	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Quang Hòa	Thành viên Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	Cổ đông lớn, cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần SUPE Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Phần lân Ninh Bình	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Tri	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghệ Hóa chất	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoàng Sơn	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn	Công ty liên kết



Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.028.338.753	71.597.319.874
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	26.608.213.753	70.429.055.123
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	-	621.422.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	420.125.000	237.120.024
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	-	177.450.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghệ Hóa chất	-	132.272.727
Mua hàng hóa và dịch vụ	440.909.091	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghệ Hóa chất	440.909.091	-
Cho vay	2.000.000.000	1.700.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	2.000.000.000	1.700.000.000
Thu hồi tiền cho vay	(2.000.000.000)	78.730.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	(2.000.000.000)	78.730.000.000
Trả cổ tức trong năm	11.025.417.000	18.375.695.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	6.062.469.000	10.104.115.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	4.131.690.000	6.886.150.000
Ông Nguyễn Tiến Ngọc	831.258.000	1.385.430.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	307.901.130	541.763.830
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	53.953.130	340.763.830
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghệ Hóa chất	-	145.500.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	249.048.000	50.600.000
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	4.900.000	4.900.000
Phải trả người bán	335.972.727	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghệ Hóa chất	335.972.727	-
Vay ngắn hạn	518.911.936	495.096.335
Ông Nguyễn Quang Hào	518.911.936	495.096.335
Người mua trả tiền trước	75.919.187.599	86.112.786.092
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	75.919.187.599	86.112.786.092
Phải trả dài hạn khác	143.500.000.000	143.500.000.000
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn	143.500.000.000	143.500.000.000
Vay dài hạn	130.000.000.000	130.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	130.000.000.000	130.000.000.000

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	344.000.000	312.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	344.000.000	312.000.000
Phạm Hoành Sơn	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Việt Hùng	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Thanh Tùng	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Văn Thành	-	16.000.000
Nguyễn Văn Hùng	-	16.000.000
Nguyễn Đình Sơn	48.000.000	32.000.000
Lương Xuân Hoàng	48.000.000	32.000.000
Nguyễn Trung Hòa	32.000.000	-
Hoàng Văn Hòa	30.000.000	20.000.000
Vũ Thị Mai Nhung	30.000.000	30.000.000
Nguyễn Thị Hồng Phượng	-	10.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám Đốc	1.678.202.400	1.762.629.861
Nguyễn Việt Hùng	627.731.200	648.419.200
Nguyễn Thanh Tùng	531.131.200	553.117.969
Nguyễn Quang Hào	519.340.000	561.092.692
Thu nhập Ban Kiểm Soát	639.816.558	745.573.497
Trần Minh Tuấn	207.500.000	467.882.539
Nguyễn Trung Hòa	174.367.882	-
Hoàng Văn Hòa	257.948.676	277.690.958
Tổng cộng	2.662.018.958	2.820.203.358

10-C.T.H
TY
ÁN
C.T.E
AM
IP HÀ NH

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 1.004.696.578 VND (năm trước: 950.662.468 VND), là số tiền cổ tức được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết số 64/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 mà chưa thực hiện chi trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Lê Lan Phương
Người lập biểu



Trần Minh Tuấn
Kế toán trưởng


Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023